



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022

Thực hiện Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả đạt được những thành quả quan trọng trong xây dựng huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện

1.1. Điều kiện tự nhiên

Đồng Phú là huyện trung du miền núi nằm ở phía Nam tỉnh Bình Phước thuộc vùng trung du miền Đông Nam Bộ, Trung tâm huyện cách thành phố Đồng Xoài 13km, thành phố Hồ Chí Minh 90km; có tầm quan trọng về an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái, tài nguyên rừng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- + Phía Nam giáp tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương.
- + Phía Đông giáp huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai.
- + Phía Tây giáp thành Phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành (tỉnh Bình Phước) và tỉnh Bình Dương.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội:

Dân số huyện 25.739 hộ với 100.246 khẩu. Tổng diện tích đất tự nhiên là 93.445,11 ha, với 11 đơn vị hành chính gồm các xã: Tân Lập, Tân Tiến, Tân Hòa, Tân Lợi, Tân Hưng, Tân Phước, Đồng Tâm, Đồng Tiến, Thuận Lợi,

Thuận Phú và Thị trấn Tân Phú; có 09 tôn giáo (gồm: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo, Hồi giáo, Tôn giáo Baha’I, Giáo hội các thành hữu ngay sau của Chúa Giê suky tô Việt nam (Mormon), Phật giáo hiểu nghĩa Tà Lon, đạo thờ cúng ông bà và một số tín ngưỡng dân gian khác); có 30 thành phần dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 19,86% dân số toàn huyện; kinh tế của huyện chủ yếu là thuần nông, cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

Phát huy truyền thống cách mạng, lợi thế sẵn có của huyện, trong những năm qua, mặc dù kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh và sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, sự cố gắng của các ban, ngành MTTQ và các đoàn thể, sự đồng thuận, đoàn kết của các tầng lớp Nhân dân. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh của huyện đã đạt được kết quả tích cực. Tốc độ phát triển kinh tế trên trong những năm qua tăng trưởng bình quân đạt 10%/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 62,17 triệu đồng/người/năm, tăng 4,57 lần so với năm 2010 (13,6 triệu đồng/người). Cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ: Năm 2022: Nông nghiệp 21,85%; Công nghiệp xây dựng 46,08%; Thương mại - Dịch vụ 32,07%.

Các chế độ, chính sách về an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,30%. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 93,24%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 49,73%. Hệ thống khám chữa bệnh từ huyện đến cơ sở được củng cố và tăng cường cả về vật chất và đội ngũ cán bộ y tế; các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “gia đình văn hóa”, “ấp, khu phố văn hóa”, “cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “xã đạt chuẩn nông thôn mới” được phát động, triển khai sâu rộng và được các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, chung sức xây dựng nông thôn mới.

2. Thuận lợi

Thực hiện Thông báo số 238-TB/TW ngày 07/4/2009 kết luận của Ban Bí thư Trung ương về Đề án “*Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”, huyện Đồng Phú có xã Tân Lập được Trung ương chọn thực hiện thí điểm mô hình nông thôn mới giai đoạn 2009 - 2011, đó là tiền đề cơ bản, quan trọng để huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên tất cả các xã của huyện.

Bước đầu tổ chức thực hiện Chương trình, huyện luôn nhận được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo sâu sát, sự hỗ trợ nhiệt tình từ cấp tỉnh đã tạo thuận lợi trong suốt quá trình tổ chức thực hiện; các chủ trương từ Trung ương được tỉnh cụ thể hóa ban hành các văn bản, được huyện triển khai kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận trong tổ chức thực hiện, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Nghị quyết và Quyết định như: Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/12/2013 của Tỉnh ủy Bình Phước về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 Quy định về cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020. Ngoài ra, các văn bản hướng dẫn, hỗ trợ của các Sở, ngành chức năng của tỉnh, sự phối hợp giữa các ngành của huyện, sự nhận thức cao của chính quyền địa phương và Nhân dân khi triển khai chương trình tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện thành công các mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Ban Thường vụ, Ban Chấp hành hàng năm đều có Chương trình, Nghị quyết lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, phân công ủy viên Ban thường vụ phụ trách địa bàn, hàng quý đều nghe báo cáo tình hình và cho ý kiến chỉ đạo. Hội đồng nhân dân hàng năm đều xây dựng nghị quyết thực hiện, giám sát các nội dung chương trình; Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM xây dựng chương trình, kế hoạch hàng năm, họp nghe báo cáo, chỉ đạo hàng tháng, hàng quý. Các ban ngành và UBND các xã đều có Chương trình, Kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể từng chỉ tiêu, phân công từng đơn vị, bộ phận phụ trách.

Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội huyện từng bước được đầu tư ngày càng đồng bộ. Đặc biệt hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện được đầu tư kết nối với các vùng lân cận như đường Quốc lộ 14, đường ĐT741 là 02 tuyến giao thông huyết mạch kết nối các tỉnh miền Đông Nam Bộ với các tỉnh Tây Nguyên. Trên địa bàn hiện có 02 khu công nghiệp: Khu công nghiệp (KCN) Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú, cụm công nghiệp Hà Mỹ đã đi vào hoạt động; ngoài ra tỉnh đang tiến hành mở rộng quy hoạch khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú với diện tích 6.317,1 ha, đến nay đã giải phóng mặt bằng, thi công 04 tuyến đường kết nối từ ĐT741 vào Khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú; đang đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 03 cụm công nghiệp (02 cụm công nghiệp tại xã Tân Tiến: Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 và cụm công nghiệp Tân Tiến 2; 01 cụm công nghiệp tại thị trấn Tân Phú) với diện tích 171,49 ha; triển khai mở rộng quy hoạch Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú với diện tích 779 ha. Qua đó, không những tạo việc làm cho lao động địa phương mà còn thu hút lực lượng lao động dồi dào ở các tỉnh trong cả nước; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế huyện.

Huyện có địa hình đa dạng tương đối bằng phẳng, tài nguyên đất phong phú, đặc biệt có hệ thống suối, các hồ chứa nước lớn như: Hồ Suối Giai, hồ Tân Hòa, hồ Đồng Xoài, hồ Tân Lợi, hồ Suối Bình, hồ Tân Hưng, hồ Suối Lam,... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các loại cây trồng đa dạng có giá trị kinh tế cao, phát triển nông nghiệp, tạo sự tươi mát cho khí hậu ôn hòa và thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, như: Khu du lịch Đảo Yến - Sơn Hà thu hút hơn 100.000 lượt khách/năm, mang lại những lợi thế cho các dịch vụ du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Về đất đai màu mỡ thích hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp, hình thành những vùng chuyên canh như: Điều, cao su; cây ăn trái với những cây trồng như: Bưởi, cam, quýt, sầu riêng... Đồng Phú có nhiều cảnh đẹp, có lợi thế về tiềm năng phát triển du lịch, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp theo chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ, gắn kết với phát triển các loại hình du lịch, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Nhân dân Đồng Phú có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, sáng tạo, đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý, hệ thống giáo dục, y tế phát triển đồng bộ. Các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện; an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng nâng cao; cùng với tinh thần đoàn kết, quyết tâm trong lãnh chỉ đạo của Huyện ủy - UBND huyện, sự bắt tay vào cuộc của các cấp, các ngành từ huyện đến xã, ấp, được Nhân dân đồng tình, hưởng ứng từ đó đã phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện Chương trình.

3. Khó khăn:

Vào thời điểm bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện gặp nhiều khó khăn như:

Cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư nhiều đời sống Nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp; trong khi đó công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ chưa phát triển. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp chiếm trên 80% lao động toàn huyện, tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp. Các hình thức sản xuất chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống đường giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở vật chất văn hóa, giáo dục, chợ chưa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và dân sinh. Bình quân các xã đạt từ 4-5 tiêu chí, thu nhập bình quân đầu người đạt 13,6 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 7,5%. Một số xã địa bàn rộng, dân cư sống không tập trung, thu nhập còn thấp, khối lượng đầu tư xây dựng nông thôn mới, đặc biệt xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội rất lớn, trong khi nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên có hạn, do đó rất cần sự tham gia của người dân. Nguồn thu nhập chính của người dân từ sản xuất nông nghiệp còn thấp, cuộc sống còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng

thời tiết diễn biến phức tạp, thị trường, giá cả, dịch bệnh... Chính vì vậy việc vận động Nhân dân đóng góp để thực hiện đầu tư, nâng cấp, xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, các xã hầu hết tập trung nhiều vào xây dựng cơ sở hạ tầng, riêng lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp, ở quy mô tiêu thụ sản phẩm thô, phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ, chưa có nhiều sản phẩm đặc trưng. Việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chưa được phát triển rộng rãi.

Việc huy động nguồn vốn đã được thực hiện có hiệu quả nhưng tỷ lệ vốn để đầu tư vào phát triển sản xuất còn rất ít, hầu hết các mô hình được hỗ trợ vốn đều là những mô hình nhỏ lẻ, chưa phát huy hiệu quả cao để nhân rộng các mô hình.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tuy ổn định nhưng có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp.

Một bộ phận người dân do chưa nhận thức sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình nên chưa tích cực tham gia thực hiện, chưa phát huy được vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

Đây là một Chương trình bao quát nhiều nội dung, huy động nhiều nguồn lực thực hiện, bước đầu trình độ năng lực của một số ít cán bộ chưa đủ để đáp ứng yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ, một số xã còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại từ nguồn đầu tư từ ngân sách, còn chông chéo trách nhiệm giữa các cấp, các ngành.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Văn bản của Trung ương:

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và

PTNT hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Thông tư Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới;

Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 15/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12/11/2015 của Quốc Hội khóa XIII về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Văn bản của tỉnh:

Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020;

Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/12/2013 của Tỉnh ủy Bình Phước về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020;

Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh về ban hành quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020;

Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng phong trào thi đua Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015;

Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của UBND tỉnh về việc quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh quy định về cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014 - 2020;

Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 20/11/2015 của Đại hội Đại biểu lần thứ X của Đảng bộ tỉnh Bình Phước, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Chương trình số 200/CTr-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020;

Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2018-2020;

Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MQTG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020;

Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MQTG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

3. Văn bản của huyện:

Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của UBND huyện Đồng Phú về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020;

Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND huyện Đồng Phú về việc thành lập Tổ tư vấn, hướng dẫn xây dựng Nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2020;

Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 21/04/2011 của UBND huyện Đồng Phú về việc bổ sung Phó ban và thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, giai đoạn 2010-2020;

Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 25/05/2011 của UBND huyện Đồng Phú về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ tư vấn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, giai đoạn 2010-2020;

Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 01/12/2011 của UBND huyện Đồng Phú về việc Thực hiện Chương trình MTQG XD NTM huyện Đồng Phú giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 25/6/2012 của UBND huyện về việc tổ chức phát động thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020;

Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2013 của UBND huyện ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo nông thôn mới huyện;

Kế hoạch số 83-KH/HU ngày 13/3/2014 của Huyện ủy về thực hiện Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2013-2020;

Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 31/8/2018 của UBND huyện Đồng Phú về thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 Đồng Phú đạt huyện nông thôn mới;

Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện Đồng Phú về Tổng kết 10 năm thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Đồng Phú giai đoạn 2010-2019;

Báo cáo số 300/BC-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện về Tổng kết chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Đồng Phú giai đoạn 2010-2019;

Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về xây dựng nông thôn mới năm 2020 trên địa bàn huyện Đồng Phú;

Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện Đồng Phú;

Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về xây dựng nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn huyện Đồng Phú;

Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn huyện Đồng Phú;

Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 26/10/2022 của UBND huyện thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Đồng Phú.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; tập trung quyết liệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh về Chương trình cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Huyện ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để tập trung lãnh, chỉ đạo thực hiện; UBND huyện xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện, hàng năm có xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp cụ thể trong triển khai thực hiện. Tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, xây dựng quy hoạch và đề án xã nông thôn mới theo qui định, làm căn cứ triển khai thực hiện. Chỉ đạo cụ thể hóa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào kế hoạch công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, năm của cấp ủy, chính quyền các cấp, lồng ghép vào kế hoạch hoạt động của các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện để triển khai thực hiện; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được phân công có sự phối hợp, hỗ trợ các xã trong công tác xây dựng nông thôn mới. Quá trình thực hiện, định kỳ tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm và quan tâm công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở.

Để lãnh, chỉ đạo việc thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới lần đầu tiên được thành lập tại Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của UBND huyện Đồng Phú; Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND huyện Đồng Phú về việc thành lập Tổ tư vấn, hướng dẫn xây dựng Nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2020;

Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 01/12/2011 của UBND huyện Đồng Phú về việc Thực hiện Chương trình MTQG XD NTM huyện Đồng Phú giai đoạn

2011-2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 25/6/2012 của UBND huyện về việc tổ chức phát động thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020;

Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2013 của UBND huyện ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo nông thôn mới huyện;

Hàng năm, công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới thực hiện chương trình, xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo được cơ quan thường trực tham mưu thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Trên cơ sở đặc điểm của huyện xác định nội dung đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đối với Chương trình: *“Xác định sản xuất là khâu đột phá, tập trung phát triển nông nghiệp chất lượng cao, chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành các vùng cây chuyên canh, chăn nuôi tập trung; gắn phát triển nông nghiệp với bảo vệ nguồn tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường và phát triển dịch vụ, công nghiệp để vừa thúc đẩy phát triển nông nghiệp, vừa góp phần khai thác tiềm năng ngành công nghiệp huyện. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - văn hóa - xã hội; ưu tiên đầu tư hạ thế điện cho các vùng sản xuất, nâng cấp nhựa hoá (bê tông hoá) đường huyện, đường liên xã, trục xã, xây dựng Trung tâm văn hóa huyện, xã, nhà văn hóa ấp; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân; đẩy mạnh công tác giảm nghèo theo hướng bền vững; thực hiện tốt các vấn đề an sinh xã hội; để nâng cao trên cả hai mặt đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của bộ máy chính quyền; tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc”*.

Trong quá trình triển khai thực hiện, việc kiện toàn củng cố Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã; Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 được thực hiện kịp thời theo yêu cầu thực tế đặt ra. Hàng tháng, quý Thường trực Huyện ủy làm việc với UBND huyện họp giao ban với các ngành và Bí thư, Chủ tịch UBND các xã để nghe báo cáo tiến độ và chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các xã. UBND huyện chủ trì giao ban hàng tháng với các ngành đều lồng ghép với nội dung thực hiện nông thôn mới. Ban chỉ đạo của huyện có kế hoạch cụ thể, xác định rõ nội dung và thứ tự ưu tiên hợp lý, thực hiện mô hình xã điểm, từ những kinh nghiệm của xã điểm, triển khai thực hiện những xã tiếp theo; đồng thời chủ động phối hợp với cấp uỷ, chính quyền các xã tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ đề ra.

Với quyết tâm thực hiện mục tiêu huyện Đồng Phú đạt huyện nông thôn mới trong năm 2022. Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo, phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách xã để theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo kịp thời; Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện phân công các thành viên phụ trách địa bàn, thường xuyên làm việc với UBND các xã để đánh giá, rà soát từng tiêu chí, các hạng mục cần đầu tư, xác định nguồn vốn cần bổ sung để thực hiện đạt các tiêu chí, kịp thời chỉ đạo các ngành hỗ trợ địa phương đẩy nhanh tiến độ hoàn thành 19 tiêu chí xã nông thôn mới.

Hàng năm, HĐND huyện xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát các địa phương về tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Huyện đã chỉ đạo 10/10 xã thành lập Ban quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban; 100% ấp đều có thành lập Ban Phát triển ấp; UBND các xã đã có Quyết định phân công, bố trí công chức thực hiện việc tham mưu giúp UBND xã, Ban chỉ đạo xã trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về nội dung phân công công chức cấp xã chuyên trách về nông thôn mới.

Bộ máy quản lý từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả năng lực quản lý. Ban Chỉ đạo huyện, Ban quản lý xã kịp thời ban hành các văn bản như: Nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các quyết định ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ. Từ đó, các cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông:

Nội dung truyền thông: Tập trung những chủ trương, cơ chế, chính sách của UBND tỉnh đã ban hành như: Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn. Giao quyền chủ động cho người dân và cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Các công trình xã hội hóa với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm như: Giao thông nông thôn, điện, nhà văn hóa và khu thể thao ấp... Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông, huyện triển khai thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của tỉnh và vận động Nhân dân hiến đất, hoa màu, ngày công; thu gom, xử lý rác thải, chất thải; các chính sách để huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước, nhất là huy động từ người dân...

Đối tượng truyền thông: Toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhằm giúp các đối tượng hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tạo sự thống nhất từ nhận thức đến hành động để cùng chung tay xây dựng nông thôn mới.

Phương thức truyền thông: Công tác tuyên truyền được thực hiện phong phú, đa dạng thông qua các hình thức như: Tổ chức hội nghị học tập chỉ thị, nghị quyết, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; Hội thi, hội diễn, các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao, tuyên truyền thông qua Đội thông tin lưu động, trên hệ thống loa đài truyền thanh, các hình thức tuyên truyền cổ động trực quan (pano, băng rôn, xe lưu động...), lồng ghép tuyên truyền trong các buổi họp ấp, khu phố và tuyên truyền miệng qua những người có uy tín trong đồng bào dân tộc. Hàng năm, thông qua nội dung câu hỏi kiến thức và nội dung chương trình văn nghệ, tiểu phẩm tại Liên hoan “ấp, khu phố văn hóa” đã lồng ghép để tuyên truyền xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2011 đến nay, Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện đã thực hiện hơn 2.981 tin, bài, hình ảnh, bài viết, phóng sự, phỏng vấn về công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Ngoài thời lượng phát tin, bài về công tác xây dựng nông thôn mới do các phóng viên của Đài thực hiện, Đài còn phát tin bài tuyên truyền nông thôn mới do tỉnh và Trung ương cung cấp. Mỗi tin bài tuyên truyền có thời lượng từ 05 đến 10 phút. Mỗi tuần phát 03 lần (tổng thời lượng tuyên truyền đạt trên 300 giờ).

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn:

Trong những năm qua, Ban Chỉ đạo huyện đã phối hợp với Văn phòng điều phối tỉnh tổ chức được 50 lớp tập huấn kiến thức về xây dựng NTM cho cán bộ là thành viên Ban chỉ đạo huyện, xã, Ban Quản lý xã và Ban Phát triển ấp, đội ngũ báo cáo viên của xã, cán bộ làm công tác tuyên giáo của các ngành, cơ quan cấp huyện với số lượt tham gia trên 3.000 lượt. Chương trình tập huấn, tuyên truyền, tập trung vào các nội dung: Những vấn đề cơ bản về xây dựng nông thôn mới; kỹ năng tổ chức triển khai thực hiện nông thôn mới, nông thôn nâng cao; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp bền vững; xây dựng nông thôn mới gắn với việc giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa làng quê; về phát triển hợp tác xã; bảo vệ môi trường... Nhìn chung, qua công tác tập huấn, tuyên truyền, đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến xã đều tham gia đầy đủ và học tập nghiêm túc, nắm được các nội dung tập huấn; từ đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện Chương trình đạt kết quả cao.

3. Sự tham gia tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới:

3.1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Ủy Ban MTTQVN huyện phối hợp các ban, ngành, đoàn thể tổ chức thành viên, hội viên phát động các tầng lớp Nhân dân trong huyện thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Năm 2016, có 20.459/20.621 hộ gia đình đăng ký gia đình văn hoá, đạt 99,21%; cuối năm, có 19.576/20.621 hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” (tỷ lệ 94,93%, so với tổng số hộ của địa phương); 73/73 khu dân cư đăng ký thực hiện các nội dung Cuộc vận động và đăng ký đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Cuối năm, qua đánh giá có 11/11 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Có 70/73 khu dân cư đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”, tỷ lệ 96%;

- Năm 2022, có 21.887/22.234 hộ gia đình đăng ký gia đình văn hoá, đạt 98,44%. Cuối năm, qua bình xét có 21.058/22.234 hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” (tỷ lệ 94,71%, so với tổng số hộ của địa phương; 73/73 khu dân cư đăng ký thực hiện các nội dung Cuộc vận động và đăng ký đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Cuối năm, qua đánh giá có 11/11 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Có 72/73 khu dân cư đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”, tỷ lệ 98,63%; có 3.165 hộ gia đình văn hóa tiêu biểu; có 41 khu dân cư tiêu biểu.

Vận động Nhân dân trên địa bàn giúp nhau được 131.754 cây giống; 23.109 con giống; 16.701 ngày công lao động sửa chữa, làm mới 367 km đường giao thông nông thôn, nạo vét 5,5 km đường mương thoát nước, sửa chữa, làm 244 cầu cống các loại; cho mượn, vay không lấy lãi 15,8 tỷ đồng; bán thiếu phân bón, thuốc trừ sâu hơn 16,9 tỷ đồng; đã giúp cho 6.086 hộ. Tổng giá trị thành tiền hơn 40 tỷ đồng.

Vận động Nhân dân tích cực thực hiện các mô hình như: Mô hình Camera An ninh; mô hình “sáng, xanh, sạch, đẹp” thấp sáng đường quê; mô hình xây dựng ấp, khu phố văn minh; mô hình thực hiện Chỉ thị số 05; mô hình vệ sinh an toàn thực phẩm,... điển hình như: Lắp đặt 12 camera từ ấp Cầu Rạt đến ngã ba Sao Bọng và khu vực UBND xã Tân Phước; lắp đặt được 12 mắt camera tại các tuyến đường trên địa bàn xã và khu vực UBND xã Thuận Phú; Camera an ninh ngã ba đi cầu Bà Mụ, thị trấn Tân Phú; Camera an ninh ngã ba cây xăng Khánh Bình ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến đi xã Tân Hòa. Mô hình thấp sáng đường quê được 01 tuyến chính huyết mạch với tổng số 3,1km với 85 bóng đèn tại xã Tân Hòa với tổng số tiền 18 triệu đồng; xã Thuận Phú vận động được 11 tuyến đường thấp sáng đường quê với tổng chiều dài 5,5km, tổng số tiền huy động 152 triệu đồng. Vận động Nhân dân được 47 tuyến tổ đường thấp sáng đường quê với tổng chiều dài hơn 14km, số tiền huy động hơn 200 triệu đồng; mô hình thấp sáng ấp Dên Dên tại thị trấn Tân Phú trở thành khu phố văn minh với tổng số tiền đầu tư trên 500 triệu đồng (trong đó: Vận động Nhân dân và mạnh thường quân được trên

200 triệu đồng, vốn nhà nước 300 triệu đồng); mô hình trồng rau sạch tại KDC ấp 1, ấp Cầu Hai xã Đồng Tiến; mô hình hộ gia đình sản xuất rau xanh (ông Oánh) ấp Cây Diệp, xã Tân Phước; góc chợ phiên - thực phẩm tin cậy ấp Phước Tâm, xã Tân Phước.

Ngoài ra, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, các công trình dự án trên địa bàn,...Do đó, trong năm 2019 - 2022 vận động Nhân dân hiến đất hơn 50 ha, vật kiến trúc,...trị giá trên 100 tỷ đồng và vận động Nhân dân đóng góp 100% xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn nối các tuyến đường huyết mạch, sửa nhà văn hóa,...trị giá hơn 20 tỷ đồng.

Cùng với UBMTTQVN các xã và các ban, ngành đoàn thể xã tổ chức vận động giúp đỡ các hộ nghèo, hộ gia đình khó khăn về nhà ở được 596 căn nhà, với tổng số tiền gần 30 tỷ đồng.

3.2. Hội Liên hiệp phụ nữ:

Hàng năm, Hội xây dựng kế hoạch chỉ đạo các cơ sở Hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, hội viên phụ nữ bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp chi hội hàng tháng, các lớp tập huấn... đồng thời triển khai thực hiện cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” góp phần xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Kết quả: Duy trì chi hội điểm “gia đình 5 không 3 sạch” ở ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng; ấp 4, xã Đồng Tiến với 110 thành viên; 09 xã còn lại duy trì 11 tổ phụ nữ “gia đình 5 không 3 sạch” với 276 thành viên.

Thực hiện chỉ tiêu “không đói nghèo” và hoàn thành tiêu chí nông thôn mới số 9,10,11,12. Hội ban hành kế hoạch hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, chỉ đạo các cơ sở Hội phối hợp với Hội Nông dân xã chuyển giao khoa học kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, giới thiệu các mô hình phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho chị em chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát triển; hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đào tạo nghề, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp... giúp chị em nâng cao kiến thức trong sản xuất, trong hoạt động khởi nghiệp, vươn lên làm giàu chính đáng. Bên cạnh đó từ các nguồn vốn ủy thác của Ngân hàng Chính sách, nguồn vốn của tổ chức phi Chính phủ, nguồn vốn vận động của chi, tổ, Hội đến nay đã giúp cho 3.856 chị em phụ nữ vay vốn phát triển kinh tế với số tiền 86.054.000.000 đồng; thành lập mới mô hình nuôi vịt lạnh tại ấp 2, xã Đồng Tâm, số lượng 01 đợt nuôi trên 5.000 con. Duy trì hoạt động 16 mô hình kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, với 137 thành viên (trong đó: 02 mô hình liên kết hợp tác nuôi bò sinh sản, 01 mô hình nuôi dê, 01 mô hình nuôi nhím, 01 mô hình hợp tác Nông nghiệp - Dịch vụ - Thương mại, 02 mô hình trồng cây có múi, 04 mô hình trồng rau sạch,

01 mô hình trồng điều, 01 mô hình trồng tiêu, 02 mô hình liên kết chăn nuôi gà, 01 mô hình trồng nấm linh chi).

Thực hiện tiêu chí “Không vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội”, “Không có bạo lực gia đình”, “Không sinh con thứ 3 trở lên”, “Không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học” góp phần thực hiện, hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới. Hội đã thành lập và duy trì hoạt động 72 mô hình “Tổ phụ nữ phòng, chống bạo lực gia đình”, địa chỉ tin cậy, câu lạc bộ xây dựng gia đình hạnh phúc, câu lạc bộ 5 không 3 sạch, câu lạc bộ phụ nữ 4 phẩm chất, câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình; tổ chức 11 buổi truyền thông tiền hôn nhân cho nữ thanh niên, hệ lụy của việc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

Thực hiện tiêu chí “Sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp” Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã cùng với Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhiều gia đình hội viên phụ nữ dọn dẹp, tu sửa, chỉnh trang nhà cửa, tham gia dọn vệ sinh môi trường tại khu dân cư, thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chăn nuôi, thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

3.3. Hội Nông dân:

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND và Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Hội Nông dân huyện và các cơ sở Hội đã tập trung tuyên truyền về ý nghĩa, mục đích của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến toàn thể hội viên, nông dân thông qua các buổi sinh hoạt chi, tổ Hội; sinh hoạt câu lạc bộ, hội nghị sơ, tổng kết công tác Hội và hội nghị tuyên dương các gương điển hình tiên tiến trong sản xuất kinh doanh giỏi... qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tự lực, tự cường, tạo nguồn đồng thuận trong Nhân dân, từ đó nhiều Hội viên, nông dân đã tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng và tích cực đóng góp công sức, tiền của để làm đường, kéo điện, xây dựng, sửa chữa trường học, trạm y tế, nhà văn hóa ấp...

Các cấp Hội đã tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân chung tay xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng nông thôn, đã phối hợp thi công được 53 km đường liên ấp, nạo vét 03 km mương thoát nước, làm mới và sửa chữa 10 cầu cống các loại, với tổng giá trị 9.735.000.000 đồng. Tiến hành xây dựng và bàn giao 01 căn nhà tình thương cho hội viên nông dân nghèo, khó khăn về nhà ở tại xã Đồng Tâm với giá trị 80.000.000 đồng; hướng dẫn thành lập được 02 hợp tác xã gồm: Hợp tác xã thương mại dịch vụ cao đình lãng Bình Phước tại xã Thuận Lợi và hợp tác xã thương mại dịch vụ điều tại xã Tân Lợi; phối hợp với đơn vị chức năng huyện, tỉnh, công ty tổ chức chuyển giao kỹ thuật, tư vấn, hỗ trợ: 68 lớp tập huấn chăm sóc điều, cao su, hồ tiêu cho 6.275 hội viên, nông dân tham dự; 12 cuộc tư vấn, hỗ trợ cho 1.122 hội viên, nông dân tham dự; 21 mô hình về quy trình sử dụng phân bón, thuốc

BVTV, vệ sinh an toàn thực phẩm cho 1.515 hội viên, nông dân tham dự; 11 lớp dạy nghề về chăm sóc, khai thác mủ cao su, chăn nuôi gà, cải tạo vườn điều cho 327 lượt hội viên nông dân tham dự.

Hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động xây dựng quỹ hỗ trợ nông dân và triển khai tuyên truyền đến toàn thể hội viên về quỹ hỗ trợ nông dân huyện đã vận động được 123.822.000 đồng; giải ngân cho vay 2.000.000.000 đồng quỹ Trung ương hỗ trợ 40 hội viên nông dân xã: Tân Lập, Đồng Tiến; tiếp nhận 300.000.000 đồng ngân sách huyện thực hiện đề án 192; giải ngân cho vay 720.000.000 đồng quỹ hỗ trợ nông dân cho 21 hộ và giải ngân 415.836.000 đồng quỹ cơ sở hội vận động cho 40 hộ thực hiện các mô hình phát triển sản xuất, kinh doanh.

3.4. Hội Cựu chiến binh:

Chương trình xây dựng nông thôn mới là cuộc cách mạng lớn nhằm xây dựng một cộng đồng dân cư nông thôn mới thực sự sạch đẹp, phát triển về mọi mặt về kinh tế xã hội ở nông thôn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của người dân dân trong tình hình đất nước ngày càng đổi mới.

Để thực hiện chủ trương đường lối của đảng và nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại huyện Đồng Phú, Hội CCB từ huyện đến cơ sở đều tích cực hưởng ứng tham gia phong trào và mang lại những hiệu quả cao và thiết thực.

Các nội dung, chương trình của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM được các cấp hội phổ biến tuyên truyền rộng rãi tới cán bộ, hội viên trong các buổi sinh hoạt tại các chi tổ hội, các hội thi, hội nghị được tổ chức tại huyện đến cơ sở. Gắn với nhiệm vụ đó hàng năm, Hội CCB huyện Đồng Phú đều phát động các phong trào xóa đói giảm nghèo, giúp nhau phát triển kinh tế, xóa hết nhà tạm trong CCB với phương châm “Nhà tạm phát sinh đến đâu xóa đến đó”. Vận động cán bộ hội viên CCB tự nguyện hiến đất làm đường giao thông được 4.265m², tham gia xây dựng và sửa chữa nều cây cầu hư hỏng trị giá hàng trăm triệu đồng, đóng góp hơn 460 ngày công lao động, đóng góp hơn 4 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương.

Ngoài ra Hội CCB còn chú trọng xây dựng các mô hình góp phần xây dựng nông thôn mới như: Mô hình “con đường đầy hoa” do CCB tự quản; mô hình “tổ an ninh khu dân cư” do CCB làm chủ; mô hình “con đường CCB tự quản” với 45 tuyến đường, dài 49,6 km; mô hình thấp sáng đường quê do hội CCB tự đóng góp với giá trị 215 triệu đồng.

3.5. Đoàn Thanh niên:

Huyện đoàn Đồng Phú đã chỉ đạo các cơ sở Đoàn tổ chức hoạt động thiết thực nhằm đẩy mạnh phong trào “Tuổi trẻ Đồng Phú chung tay xây dựng nông

thôn mới” phát huy tinh thần xung kích của huyện nhà trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ thanh niên tích cực tham gia phát triển kinh tế nông thôn, tham gia xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường, các hoạt động phát huy vai trò của Đoàn thanh niên xung kích, tình nguyện tham gia xây dựng đời sống văn hóa nông thôn.

Huyện đoàn thường xuyên tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tham gia viết bài, tin tuyên truyền về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng được 375 tin bài; tổ chức, vận động đoàn viên, thanh niên chung tay xây dựng nông thôn mới như: Thắp sáng đường giao thông nông thôn với chiều dài 86km, tổng kinh phí khoảng 1,3 tỉ đồng; xây dựng 22 tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu với chiều dài 383km; sửa 34 nhà văn hóa, với tổng kinh phí 1.798 triệu đồng; xóa 72 nhà tạm, nhà dột nát, với tổng kinh phí 3.580 triệu đồng; tổ chức được 38 hoạt động chuyển giao Khoa học kỹ thuật, hỗ trợ cây giống, con giống nhằm hỗ trợ thanh niên phát triển kinh tế, kinh phí khoảng 900 triệu đồng; xây dựng mới 29 nhà tiêu hợp vệ sinh, kinh phí 343 triệu đồng; hỗ trợ 56 thanh niên thoát nghèo; thành lập mới 18 Câu lạc bộ Thanh niên làm kinh tế, với 185 thành viên; thành lập mới 14 Tổ hợp tác thanh niên, với 120 thành viên; tổ chức 70 đợt khám bệnh cấp phát thuốc và quà cho hơn 15.000 lượt bà con Nhân dân, kinh phí ước tính khoảng 1,5 tỷ đồng; tổ chức 5 đợt trao tặng thẻ bảo hiểm y tế cho hộ có hoàn cảnh khó khăn; ra quân phát quang, dọn vệ sinh 460km đường nông thôn; xây dựng mới và sửa chữa 38 khu vui chơi cho thiếu nhi tại các điểm trường và khu dân cư; tổ chức 325 buổi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, vệ sinh cá nhân, phòng chống xâm hại tình dục, phòng chống đuối nước, phòng chống các tệ nạn xã hội, tuyên truyền về biển đảo...

3.6. Liên đoàn lao động:

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, với chức năng của Liên đoàn lao động huyện đã phối hợp với công đoàn các cấp vận động, khuyến khích đoàn viên, công chức, viên chức, nhân viên trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát huy tính chủ động, sáng tạo, gương mẫu tham gia các hoạt động xây dựng nông thôn mới, thực hiện tốt Nghị quyết liên tịch số 02/NQLT-TLĐ-NN&PTNT ngày 24/12/2019 giữa Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐ và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về đẩy mạnh phong trào CNVCNLD thi đua phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2010-2020.

Các cấp công đoàn đã khuyến khích, vận động đoàn viên CNVCNLD trong các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp phát huy tính chủ động, sáng tạo gương mẫu tham gia xây dựng phong trào CNVCNLD phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa; tích cực lao động sáng tạo, tham gia cải cách hành chính, nâng cao hiệu

quả quản lý Nhà nước, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được triển khai sâu rộng, hiệu quả. Qua đó đã phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp công đoàn trên địa bàn, góp phần hoàn thành chương trình nông thôn mới.

Giai đoạn 2010-2022, các cấp công đoàn từ huyện đến cơ sở đã vận động đoàn viên công đoàn ủng hộ Quỹ “Mái ấm công đoàn”, hỗ trợ xây mới 22 căn nhà tình thương mái ấm công đoàn, sửa chữa 02 căn nhà cho CNVCLĐ khó khăn với số tiền hơn 650 triệu đồng; tham gia đóng góp các hoạt động xã hội, các quỹ nhân đạo từ thiện trên địa bàn hàng năm; công tác chăm lo cho cán bộ, đoàn viên, người lao động được chú trọng, các cấp công đoàn thường xuyên thăm hỏi, động viên kịp thời những đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn. Trong thời gian qua đã có hàng ngàn lượt đoàn viên, CNVCLĐ được thăm hỏi với tổng số tiền và quà giá trị hàng tỷ đồng. Các công đoàn cơ sở đều xây dựng quỹ hỗ trợ đoàn viên từ 6 triệu đến 50 triệu đồng cho vay luân phiên không tính lãi; bảo lãnh cho đoàn viên vay tín chấp các nguồn vốn của ngân hàng bằng hình thức trả góp với số tiền khoảng 5 tỷ đồng. Đã tạo điều kiện cho CNVCLĐ yên tâm công tác, tích cực học tập, sáng tạo, lao động sản xuất hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, đoàn viên, CNVCLĐ đã ra sức thi đua bám sát nội dung và tiêu chí về xây dựng nông thôn mới; từ nguồn lực thực tế, các cơ quan đơn vị đã chủ động lựa chọn những nội dung cụ thể để tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện phù hợp. Có thể nói phong trào đã được chuyển biến tích cực về nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân; cơ sở hạ tầng như: Giao thông, thủy lợi, điện, nhà văn hóa... của xã được cải thiện đáng kể.

Cùng với đó, các phong trào thi đua yêu nước “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” gắn với phong trào xây dựng người cán bộ công chức “Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu” trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, phong trào “Dạy tốt, học tốt”, “dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm”, “giỏi việc nước, đảm việc nhà”; phong trào “Xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”; xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” đã thu hút hầu hết cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên công đoàn, mọi tầng lớp Nhân dân phấn đấu học tập và học tập suốt đời tạo thành phong trào hành động cách mạng sôi nổi, liên tục trong CNVCLĐ. Trong thời gian qua, hàng trăm sáng kiến kinh nghiệm được công nhận, áp dụng trong công việc, đời sống và trong dạy học tại trường học; hơn 200 sản phẩm, giải pháp gửi về tham dự hội thi “Sáng tạo kỹ thuật” lần thứ hai, ba, bốn do huyện tổ chức; hàng trăm lượt cá nhân, tập thể đạt lao động tiên tiến, tiên tiến xuất sắc...

Hàng năm duy trì hoạt động cho vay từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, quỹ “Xóa đói giảm nghèo” của Liên đoàn lao động tỉnh với số tiền 100 triệu đồng, đã giúp 06 lượt CNVCLĐ vay vốn, tạo việc làm mới góp phần đạt các tiêu chí nhà ở, tiêu chí thu nhập trong Bộ tiêu chí nông thôn mới.

4. Kết quả triển khai thực hiện cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh Bình Phước:

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách trong đó nổi bật nhất là cơ chế đầu tư đối với các công trình đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới áp dụng cho các công trình với quy mô vốn đầu tư dưới 03 tỷ, có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu. Trên cơ sở đó UBND tỉnh đã ban hành văn bản như Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020, tỉnh Bình Phước; Hướng dẫn số 174/HD-UBND của UBND tỉnh về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

UBND huyện đã triển khai, thực hiện cơ chế, chính sách của UBND tỉnh đối với các công trình đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong công tác làm đường giao thông, làm sân bê tông nhà văn hóa các khu phố, ấp, sân bê tông các trường học, sân nhà văn hóa xã và sân UBND xã trên địa bàn huyện (UBND tỉnh hỗ trợ xi măng, huyện hỗ trợ cát, đá, phí vận chuyển xi măng, người dân đóng góp tiền công thực hiện). Kết quả: Giai đoạn từ 2014-2022 trên địa bàn huyện đã thực hiện được trên 340,959 km đường bê tông xi măng. Đến nay, 100% các tuyến đường giao thông, sân các nhà văn hóa ấp và sân các trường học trên địa bàn 10 xã được bê tông hóa.

5. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới:

Để đạt được kết quả vận động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2022, UBNDTTQVN huyện và các tổ chức đoàn thể đã vận động, phát động các phong trào thi đua xây dựng NTM rộng khắp trên toàn huyện. Việc huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới đảm bảo đúng theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước.

Tổng nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện là **1.381,691 tỷ đồng**, cụ thể như sau:

1. Mô hình thí điểm NTM tại xã Tân Lập, với tổng kinh phí: **99,915** tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 52,150 tỷ đồng, chiếm 52,2%.
- Ngân sách tỉnh: 23,941 tỷ đồng, chiếm 24,0%.
- Ngân sách huyện: 1,523 tỷ đồng, chiếm 1,5%.
- Doanh nghiệp: 19,611 tỷ đồng, chiếm 19,6%.
- Nhân dân đóng góp: 2,690 tỷ đồng, chiếm 2,7%.

2. Trong giai đoạn 2010 - 2020, tổng nguồn kinh phí xây dựng nông thôn mới đối với các xã còn lại trên địa bàn huyện đã huy động: **1.191,636** tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 114,372 tỷ đồng, chiếm 9,6%.
- Ngân sách tỉnh: 270,891 tỷ đồng, chiếm 22,73%.
- Ngân sách huyện: 698,183 tỷ đồng, chiếm 58,59%.
- Doanh nghiệp: 38,994 tỷ đồng, chiếm 3,27%.
- Nhân dân đóng góp: 43,166 tỷ đồng (36,815 tỷ đồng từ người dân hiến đất làm đường, người dân đóng góp ngày công, cát, đá với giá trị 6,351 tỷ đồng), chiếm 3,62%.
- Huy động từ nguồn khác (vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở dân cư): 26,03 tỷ đồng, chiếm 2,18%.

* Ngoài ra Nhân dân vay vốn tín dụng ở các ngân hàng để phát triển sản xuất, kinh doanh và xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường với tổng số tiền 1.150 tỷ đồng.

3. Năm 2021, 2022 tổng nguồn kinh phí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đã huy động: 90,140 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2,880 tỷ đồng, chiếm 3,2 %.
- Ngân sách tỉnh: 56,215 tỷ đồng, chiếm 62,36%.
- Ngân sách huyện: 21,814 tỷ đồng, chiếm 24,20%.
- Nhân dân đóng góp: 8,591 tỷ đồng, chiếm 9,53%.
- Huy động từ nguồn khác (vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở dân cư): 0,640 tỷ đồng, chiếm 0,71%.

6. Về quản lý và sử dụng nguồn vốn:

Việc quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn vốn đầu tư do ngân sách Nhà nước cho chương trình xây dựng nông thôn mới là một nội dung quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn. Để đảm

bảo quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư; HĐND, UBND huyện đã phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng đối tượng. Ngân sách cấp huyện ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi, đường điện chiếu sáng, trường học, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa xã, ấp, đầu tư phát triển sản xuất.

Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: Huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển sản xuất, dân sinh như: Công trình kiên cố hóa kênh mương, công trình nước sạch, xử lý rác thải, giao thông, trường học, trạm y tế, sân vận động, nhà văn hóa...

Việc huy động nguồn đóng góp của Nhân dân phục vụ xây dựng nông thôn mới được thực hiện theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ" với sự huy động đúng mức, đảm bảo công khai, dân chủ đã khơi dậy nguồn lực và sự chủ động tham gia của người dân vào việc kiến thiết, xây dựng quê hương. Nhiều xã đã có cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực của Nhân dân, động viên con em xa quê thành đạt hỗ trợ kinh phí cùng với vốn lồng ghép các chương trình dự án để xây dựng nhiều công trình phúc lợi ở ấp, xã. Các nguồn vốn được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích, công khai minh bạch.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã đều được huyện thẩm định nguồn vốn đối ứng để đảm bảo hoàn thành dự án, vì vậy, các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã trong huyện được quản lý xây dựng đảm bảo tiến độ, chất lượng tốt, phát huy hiệu quả đầu tư.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 10 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 10 xã.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

Trong 10 xã đạt chuẩn, có 01 xã được công nhận giai đoạn 2011 - 2015 (theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg, ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ); 09 xã còn lại được công nhận trong giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ

tướng Chính phủ). Huyện đã chỉ đạo 10/10 xã trên địa bàn huyện thực hiện rà soát *Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*; qua đó huyện đã chỉ đạo các xã nâng chất lượng các tiêu chí, đạt theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 02 xã (Tân Tiến, Tân Lập).

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 20% (02/10 xã).

Huyện có 02 xã được công nhận nông thôn mới nâng cao năm 2020 (xã Tân Tiến), năm 2021 (xã Tân Lập). Huyện đã chỉ đạo 02 xã thực hiện rà soát *Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước*; qua đó huyện đã chỉ đạo các xã nâng chất lượng các tiêu chí, đạt theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh đó, huyện còn chỉ đạo các xã triển khai thực hiện áp dụng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, kết quả đến nay, toàn huyện có 24 ấp được công nhận khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.

1.2. Thị trấn đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01 thị trấn (Thị trấn Tân Phú).

- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã

2.1. Quy hoạch

**** Tiêu chí số 1 - Quy hoạch:***

Căn cứ các quy định của Trung ương, các Bộ, ngành và quy định của UBND tỉnh, UBND các xã trên địa bàn huyện đã tiến hành triển khai công tác lập quy hoạch nông thôn mới theo quy định, hướng dẫn tại Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT. Năm 2013, UBND huyện đã hoàn thành phê duyệt Đề án quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới cho 100% các xã xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

Đề án quy hoạch xây dựng NTM của các xã được các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá và Thông tin huyện tham gia chỉnh sửa, thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Đến tháng 9/2013 đã có 10/10 xã được Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Trên cơ sở quy hoạch xây dựng NTM đã được phê duyệt, Ban Chỉ đạo huyện tập trung chỉ đạo các xã triển khai công tác lập Đề án xây dựng NTM. Đến tháng 10/2013 đã có 10/10 xã được Chủ tịch UBND huyện Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng NTM.

Các xã đã công bố, công khai rộng rãi và tiến hành cắm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt, thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch và đề án đã được phê duyệt. 100% xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch; các xã đều rà soát bổ sung quy hoạch đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí mới và tình hình thực tế, phù hợp với quy hoạch của huyện theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kết hợp với xây dựng nông thôn mới với đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng, đã được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, phù hợp quy hoạch phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Hàng năm, 100% các xã đã rà soát, cập nhật, bổ sung điều chỉnh quy hoạch, đề án xây dựng NTM xã đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản quy định, hướng dẫn hiện hành, điều kiện thực tế địa phương, đạt được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư, phù hợp định hướng phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Hiện nay, huyện đang thực hiện điều chỉnh đề án quy hoạch nông thôn mới, xây dựng quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung thị trấn Tân Phú đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và định hướng của tỉnh, huyện; tiến hành điều chỉnh phụ lục đề án nông thôn mới các xã theo Bộ tiêu chí mới ban hành của Trung ương, UBND tỉnh.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

2.2. Hạ tầng kinh tế - xã Hội:

*** Tiêu chí số 2 - Giao thông:**

Tại thời điểm triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới có 100% xã trên địa bàn huyện chưa đạt tiêu chí giao thông. Xác định phát triển giao thông nông thôn là khâu đột phá quan trọng nhất, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, đáp ứng yêu cầu của người dân cũng như tạo điều kiện hoàn thành các tiêu chí khác nên được chú trọng đầu tư, người dân đồng tình ủng hộ và tham gia. Thực hiện Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về áp dụng cơ chế đặc thù đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh (trong đó tỉnh hỗ trợ xi măng, huyện hỗ trợ cát, đá và phí vận chuyển xi măng) với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong đó, người dân nông thôn đã phát huy cao trách nhiệm, quyền lợi, chủ động tham gia tích cực, thực hiện xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, vận động Nhân dân hiến cây, hiến đất để mở rộng, làm đường giao thông với diện tích trên 500.000 m² để làm đường; các xã thường

xuyên phát động Nhân dân, các đoàn thể tham gia phong trào vệ sinh môi trường các tuyến đường; vận động Nhân dân tự tháo dỡ vi phạm hành lang an toàn giao thông dưới lòng, lề đường, vỉa hè; phát động Nhân dân trồng hoa ven đường tạo cảnh quan khu dân cư; công tác duy tu, bảo trì được thực hiện hàng năm.

Qua 12 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đã phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực đầu tư bằng nhiều nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và sự đóng góp của Nhân dân, đến nay, huyện đã đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn (láng nhựa, bê tông, cấp phối sỏi đỏ), cụ thể:

- Đường xã: Gồm có 165 tuyến với chiều dài 398,020km, hiện trạng đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa và cấp phối sỏi đỏ đạt 100%, cụ thể: 72,020 km đường bê tông xi măng; 10,000 km đường bê tông nhựa; 192,333 km đường láng nhựa; 123,667 km đường cấp phối sỏi đỏ đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục áp và liên áp: Gồm có 281 tuyến với chiều dài 321,055km, hiện trạng đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa và cấp phối sỏi đỏ đạt 100%, cụ thể: 119,976 km đường bê tông xi măng; 1,100 km đường bê tông nhựa; 97,261km đường láng nhựa; 102,718 km đường cấp phối sỏi đỏ đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ xóm: Gồm có 178 tuyến với chiều dài 245,266km, hiện trạng đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa và cấp phối sỏi đỏ đạt 100%, cụ thể: 96,034 km đường bê tông xi măng; 0,600 km đường bê tông nhựa; 33,099km đường láng nhựa; 115,533 km đường cấp phối sỏi đỏ đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục chính nội đồng: Gồm có 32 tuyến với chiều dài 66,972km, hiện trạng đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa và cấp phối sỏi đỏ đạt 100%, cụ thể: 20,680 km đường bê tông xi măng; 0,000 km đường bê tông nhựa; 5,200km đường láng nhựa; 41,092 km đường cấp phối sỏi; các tuyến đường trục chính nội đồng đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4m, mặt đường rộng tối thiểu 3 m, đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Ngoài ra, đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa 45 cây cầu giao thông nông thôn bằng bê tông cốt thép, kết cấu cơ bản đồng bộ về tải trọng và khổ cầu so với các tuyến đường giao thông nông thôn, đảm bảo cho Nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, đã đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Đặc biệt, xe ô tô lưu thông đến trung tâm xã quanh năm, xe cơ giới lưu thông đến các vùng sản xuất nông nghiệp thuận tiện, dễ dàng.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 2 về Giao thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 3 - Thủy lợi:**

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 93.445,11 ha, diện tích cây trồng là 55.462 ha (cây lâu năm 54.544 ha, cây hàng năm 918 ha).

- Về tưới chủ động: Trên địa bàn huyện diện tích trồng cây lâu năm (cao su, điều) khá lớn chiếm 68,6% diện tích cây lâu năm, đây là cây trồng không cần tưới nước chủ động, nhưng vẫn đảm bảo sinh trưởng và phát triển bình thường. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới chủ động là 2.186/2.146 ha đã được tưới chủ động, đạt 100% bao gồm: Cây tiêu là 137 ha; cây ăn trái các loại là 1.131 ha và 918 ha diện tích trồng cây hàng năm.

- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp, phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng được tiêu nước chủ động đạt 100%, cụ thể: Diện tích đất tự nhiên của huyện là 93.445,11 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 85.850,31 ha, đất phi nông nghiệp là 7.594,47 ha, đất chưa sử dụng 0,33 ha đều được tiêu nước chủ động.

Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp: Trên địa bàn các xã có hồ Suối Giai, hồ Tân Hòa, hồ Đồng Xoài, hồ Tân Lợi, hồ Suối Bình, hồ Tân Hưng, hồ Suối Lam; ngoài ra còn có các ao, hồ, suối; đảm bảo cung cấp nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 90%.

Hệ thống kênh mương: Trên địa bàn các xã, sản xuất nông nghiệp chủ yếu là cây công nghiệp cao su, điều và cây ăn trái; tại xã: Thuận Lợi, Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Lập có 03 hệ thống kênh mương dài 21,6 km (kênh đông: 4,8km, kênh tây: 15 km, hệ thống kênh hồ Suối Giai Tân Lập: 1,8 km); các xã còn lại không có hệ thống kênh mương, các hộ dân bơm nước trực tiếp từ sông, suối, ao, hồ hoặc giếng khoan để tưới tiêu.

Công tác phòng chống thiên tai được quan tâm triển khai thực hiện tốt; Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện, các xã được thành lập và thường xuyên được củng cố, kiện toàn đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Hàng năm BCH PCTT và TKCN huyện, các xã đều xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai và phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban Chỉ huy để tổ chức thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho người dân. Thường xuyên tổ chức tập luyện nhằm nâng cao khả năng cứu hộ và năng lực xử lý tình huống để giảm thiệt hại tối thiểu về tính mạng và tài sản của Nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 3 về Thủy lợi theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 4 - Điện:**

Trong những năm qua, với sự nỗ lực, quyết tâm của UBND tỉnh, huyện đã phối hợp cùng với ngành điện tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới

điện trung thế và hạ thế nông thôn từ nguồn vốn của TW, vốn EU (vay nước ngoài) và ngành điện; vận động người dân hiến đất, cây trồng giải phóng mặt bằng để đảm bảo hành lang an toàn lưới điện; trong 12 năm qua, trên toàn huyện đã đầu tư được 91,05km trung thế, 146,91km hạ thế, 135 TBA (trạm biến áp), nâng tổng số hệ thống điện trên địa bàn huyện đạt 385,45 km trung thế; 397,21 km hạ thế và 532 TBA; hệ thống điện đảm bảo an toàn kỹ thuật theo quy định của Bộ Công thương với tổng công suất: 51.390,5 KVA.

Tỷ lệ hộ dân có điện, sử dụng an toàn tăng từ 91,6% năm 2010, lên 99,53% năm 2022 (tăng 7,93%).

Phong trào xây dựng hệ thống đèn đường chiếu sáng được quan tâm triển khai thực hiện và được sự đồng thuận cao của Nhân dân; đến nay tỷ lệ đường bê tông hóa, nhựa hóa có điện đường chiếu sáng, đạt 51,73%.

- 100% khu trung tâm xã có điện chiếu sáng, 88% các tuyến trục đường chính áp có điện chiếu sáng công cộng, 91% các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ qua địa bàn có hệ thống chiếu sáng.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 4 về Điện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước .

*** Tiêu chí số 5 - Trường học:**

Đầu tư nâng cấp, xây mới và thực hiện sửa chữa các công trình trường học, không còn phòng học tạm bợ, các xã đều có trường học từ Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở; riêng đối với trường THPT: Toàn huyện có 02 trường (THPT Đồng Phú, THCS và THPT Đồng Tiến); các trường đều nằm ở trung tâm xã tạo điều kiện thuận lợi cho con em đến trường.

Đến nay, các trường học trên địa bàn huyện có đầy đủ cơ sở vật chất, như: Có khuôn viên đủ diện tích theo quy định trường chuẩn quốc gia; có đầy đủ phòng học, phòng bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, thư viện ...; các trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học của giáo viên, học sinh đều đạt chuẩn; các khu công trình công cộng; hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường; các trường đều có hệ thống công nghệ thông tin, có kết nối Internet; 100% trường có nguồn nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống tiêu thoát nước, sân chơi bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, cho giáo viên đảm bảo quy định, bãi tập có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

Số trường học trên địa bàn huyện có 29 trường công lập (trong đó: Trường Mầm non; 11 trường, Tiểu học: 05 trường, Trung học cơ sở: 05 trường, TH&THCS: 06 trường, 02 trường THPT); đến ngày 30/12/2022 có số trường đạt chuẩn quốc gia: 12/29 trường, (trong đó: Mầm non 06/11 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 54,54%; Tiểu học 01/05 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 20%; Trung học cơ sở 04/11 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 36,36%; THPT 01/02 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ

50%); 100% các trường có trang Website, kết nối internet, khu sân chơi, bãi tập có cây bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 5 về Trường học theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa:**

Năm 2010 bước vào triển khai xây dựng NTM, trên địa bàn toàn huyện có 10 xã có nhà hội trường, 10 xã có khu thể thao, sân vận động nhưng không đảm bảo theo quy định; trụ sở làm việc của các xã cũ không đảm bảo yêu cầu làm việc đối với đội ngũ cán bộ, công chức.

- Về Trung tâm Văn hóa - thể thao xã:

Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 10/10 xã đã có hội trường đa năng phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hóa (200-300 chỗ ngồi), được trang bị đầy đủ các thiết chế và trang thiết bị: quốc hiệu, quốc huy, ma kết trang trí, bàn ghế, tủ, loa đài, âm thanh, ánh sáng, có các phòng chức năng.

Trung tâm văn hóa - thể thao của các xã được đầu tư đưa vào sử dụng, đã đáp ứng tốt chức năng nhiều sự kiện quan trọng của xã như: Đại hội Đảng bộ, tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân các sự kiện chính trị trọng đại, tổ chức các hoạt động truyền thông, hoạt động vui chơi, giải trí. Trung tâm văn hóa - thể thao cũng là địa điểm thuận lợi cho tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao cấp cụm, hoạt động phong trào của các tổ chức đoàn thể nhân dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn, đặc biệt đã đáp ứng tốt nhiều hoạt động văn hóa cấp cụm như: Hội thi “Bí thư chi bộ giỏi tuyên truyền xây dựng nông thôn mới”, Hội thi “Kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Hội thi “Báo cáo viên giỏi cấp huyện”, Hội thi “Tìm hiểu kiến thức gia đình” cấp huyện.

Toàn huyện 10/10 xã có khu Thể thao diện tích từ 700 - 1.000 m² trở lên, gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, sân cầu lông, bóng bàn, khu vực vui chơi giải trí cho trẻ em...; sân vận động xã đạt diện tích đảm bảo tổ chức Đại hội Thể dục - Thể thao, các hoạt động thể thao hàng ngày của Nhân dân như: Bóng đá, kéo co, chạy bộ, chạy việt dã, khu vui chơi cho trẻ em...

-Về Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp: 73/73 khu dân cư của các xã đều có: sân bóng chuyền và sân cầu lông phục vụ cho Nhân dân trên địa bàn, nhà văn hóa ấp đáp ứng đủ các điều kiện về sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và vui chơi giải trí của Nhân dân trong thôn, cũng như tổ chức thường xuyên các hoạt động của các loại hình Câu lạc bộ tại ấp như: CLB thể hình, thể dục thẩm mỹ, thể dục dưỡng sinh, võ thuật, tennis ... Hệ thống thiết chế Nhà Văn hóa ấp được quan tâm đầu tư đã góp phần lưu giữ được nhiều vốn văn hóa truyền thống của dân tộc trên địa bàn huyện, tiêu biểu như: Câu lạc bộ “Gia đình Văn hóa”, Câu lạc bộ “Gia đình phát triển bền vững”, Câu lạc bộ liên thế hệ, Câu lạc bộ "Văn nghệ truyền thống"... Phòng đọc sách báo tại các Nhà Văn hóa thôn đã duy trì hoạt động thường xuyên, với hệ thống sách, báo luôn được luân chuyển mỗi

năm từ 100-170 đầu sách, báo từ cấp huyện về địa phương đến các ấp, nên đã thu hút nhiều bạn đọc tham gia.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đến nay trên địa bàn huyện đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa 05 chợ nông thôn (Gồm chợ: Đồng Phú, Tân Lập, Tân Tiến, Thuận Phú, Đồng Tâm), 03 siêu thị (CoopMart, Điện máy xanh, Thế giới di động), 05 cửa hàng hệ thống bách hóa xanh (Tân Lập, Tân Tiến, Đồng Tiến, Thuận Phú và thị trấn Tân Phú) và 5.000 cửa hàng bán lẻ; hệ thống chợ trên địa bàn đều được đầu tư xây dựng kiên cố đảm bảo đúng quy định về xây dựng chợ; hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng trên địa bàn luôn đảm bảo phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán của người dân thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông:**

Cơ sở hạ tầng, mạng lưới viễn thông được các doanh nghiệp đầu tư, nâng cấp, phát triển rộng khắp đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc, sử dụng dịch vụ truy cập internet của người dân, nhất là ở vùng nông thôn. 100% xã có điểm bưu điện, có trên 70% hộ dân và cán bộ, công nhân viên nói đường truyền internet đến tận nhà, 95% hộ dân có sử dụng điện thoại cố định và di động.

Hệ thống truyền thanh từ xã đến các ấp, khu phố được đầu tư, nâng cấp; UBND huyện đã đầu tư lắp đặt đồng bộ hệ thống loa không dây đến các ấp trên địa bàn các xã. Hiện nay có: Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện; 11 trạm truyền thanh xã, thị trấn; 320 bộ thu không dây (cụm loa) với 640 loa phóng thanh ở khu phố, ấp đảm bảo thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương đến người dân.

UBND các xã trang bị đủ máy vi tính cho cán bộ, công chức chuyên môn và các hội, đoàn thể; các máy vi tính đều được kết nối internet. Việc ứng dụng hệ thống quản lý văn bản bằng phần mềm hồ sơ công việc, văn bản đi, đến đều qua hệ thống quản lý văn bản giúp tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí in ấn, đi lại gửi văn bản thủ công. Hệ thống một cửa điện tử liên thông hoạt động có hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch, giảm bớt, rút ngắn thời gian, chi phí đi lại của

người dân khi đến thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công đang được phục vụ chủ yếu ở mức độ 2,3.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư:**

UBND các xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội vận động người dân chủ động xây dựng, chỉnh trang nhà cửa và các công trình phụ đảm bảo vệ sinh, gọn gàng, sạch sẽ. Từ năm 2010 đến nay thông qua các cuộc vận động, Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Vì người nghèo” đã hỗ trợ xây mới và nâng cấp, sửa chữa 620 căn nhà cho các hộ nghèo, hộ chính sách, với tổng kinh phí 28,03 tỷ đồng. Đến nay trên địa bàn các xã không còn hộ dân sống trong nhà tạm, nhà dột nát.

Nhà ở trên địa bàn huyện hầu hết được chỉnh trang xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân. Đến nay, tỷ lệ hộ có nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt trên 96,81% (25.030/25.853hộ), (tăng khoảng 5% so với năm 2010), không còn các trường hợp nhà tạm và dột nát.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

2.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Trên lĩnh vực nông nghiệp

Huyện Đồng Phú được tỉnh định hướng phát triển thành huyện công nghiệp trọng điểm của tỉnh, tuy nhiên, Huyện ủy - UBND huyện vẫn xác định mục tiêu sản xuất là khâu đột phá trong xây dựng nông thôn mới của huyện nhà. Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển theo đúng định hướng, sản xuất theo quy mô hàng hóa, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm trong cơ cấu kinh tế nhưng tăng về giá trị với định hướng phát triển cây công nghiệp lâu năm chủ lực là cây cao su, phát triển nhanh diện tích cây ăn trái có giá trị cao và tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng cơ cấu ngành nông nghiệp. Giá trị sản xuất Nông - lâm - thủy sản năm 2022 theo giá so sánh năm 2010 đạt 4.101,392 tỷ đồng, tăng 44,5% so với năm 2010 (tăng trung bình 4,45%/năm). Một số kết quả đạt được như sau:

- **Về trồng trọt:** Được phát triển theo đúng định hướng, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng mang lại hiệu quả thiết thực, tăng thu nhập cho người nông dân. Cơ cấu cây trồng được tập trung chuyển đổi sang những loại cây chủ lực, hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp của địa phương như cây công nghiệp lâu năm, cây ăn trái, trong đó, diện tích cây cao su, điều và

cây ăn trái là chủ lực với tổng diện tích là 53.643 ha (chiếm 96,7% tổng diện tích cây trồng của toàn huyện) là nguồn thu nhập chủ yếu của nông dân trên địa bàn huyện.

- **Về chăn nuôi:** Với lợi thế về đất đai, thị trường tiêu thụ rộng, các xã đã từng bước chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng chuyên chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún sang phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại. Hiện trên địa bàn các xã có 92 trang trại đang hoạt động, trong đó có 53 trang trại chăn nuôi heo, gà, còn lại 39 trang trại trồng cây lâu năm, cây ăn trái và tổng hợp. Đã có nhiều trang trại chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi, khẳng định chăn nuôi theo hướng phát triển lâu dài và ổn định. Năm 2022, quy mô đàn gia súc, gia cầm cụ thể như sau: Tổng đàn trâu, bò đạt 2.819 con, tăng 21,5% so với năm 2010 (2.211 con); tổng đàn heo đạt 109.175 con, tăng 84,78% so với năm 2010 (16.610 con); tổng đàn gia cầm đạt 1.744,14 ngàn con, tăng 53,24% so với năm 2010 (815,7 ngàn con).

Việc gia tăng nhanh các trang trại chăn nuôi heo, gà tập trung, sử dụng giống mới, được chăm sóc, phòng bệnh theo quy trình kỹ thuật, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, mang lại nguồn thu nhập cao cho người nông dân; nhiều trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm áp dụng phương thức chăn nuôi chuồng lạnh đảm bảo hạn chế dịch bệnh, nâng cao hiệu quả trong quá trình chăn nuôi. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 03 điểm giết mổ tập trung, các điểm giết mổ đều được kiểm soát thú y và kiểm tra giám sát chặt chẽ của Đội kiểm tra liên ngành cấp huyện và địa phương nên công tác kiểm soát giết mổ đã cơ bản đảm bảo an toàn thực phẩm trong giết mổ và lưu thông sản phẩm sau giết mổ.

- **Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp:** Với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp chủ lực, thời gian qua, các xã xây dựng và triển khai Chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực, hỗ trợ nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn huyện.

Trên địa bàn huyện hiện đã có nhiều trang trại, hộ gia đình có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp như: Sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm, trồng dưa lưới, rau trong hệ thống nhà lưới, chăn nuôi heo, gà bằng hệ thống chuồng trại khép kín, các mô hình được đánh giá là mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đến nay, tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm trên các loại cây trồng trên địa bàn huyện là 1.050 ha, chủ yếu là cây ăn trái. Tổng diện tích cây trồng trong nhà lưới là 45 ha, chủ yếu là trồng rau, cây dưa lưới. Có 53 trang trại chăn nuôi áp dụng hệ thống chuồng trại hiện đại. Các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất (bón phân, tưới nước), xử lý ra hoa trái vụ, rải vụ trên các loại cây trồng để đảm bảo cung ứng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường theo mùa vụ khác nhau trong năm, góp phần nâng cao thu nhập của người dân (chủ yếu tập trung trên các loại cây ăn trái như bưởi, cam, quýt, sầu riêng...).

b) Trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Về công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện trong những năm gần đây được tập trung phát triển với mục tiêu trở thành huyện công nghiệp trọng điểm của tỉnh, hiện đã có 02 khu công nghiệp: Khu công nghiệp (KCN) Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú, cụm công nghiệp Hà Mỹ; ngoài ra tỉnh đang tiến hành mở rộng quy hoạch khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú; kêu gọi đầu tư xây dựng 03 cụm công nghiệp (02 cụm công nghiệp tại xã Tân Tiến): Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 và cụm công nghiệp Tân Tiến 2; 01 cụm công nghiệp tại thị trấn Tân Phú; triển khai mở rộng quy hoạch Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú; các ngành công nghiệp chủ yếu về dệt may, chế biến gỗ - sản phẩm từ gỗ, sản xuất giấy, các mặt hàng kim khí.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện trong những năm qua đạt được kết quả tích cực, góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế của huyện nói chung cũng như hỗ trợ trở lại đối với sự phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, ổn định và nâng cao hơn đời sống của người dân nông thôn. Giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm tăng trưởng bình quân 16,08%, đóng góp từ 45-46% GDP trong toàn huyện.

- Phát triển thương mại - dịch vụ: Trên địa bàn các xã hiện có 7.570 doanh nghiệp thương mại - dịch vụ, hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn, giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng bình quân 11,07%/năm. Cùng với sự phát triển nhanh của các khu công nghiệp, hoạt động thương mại - dịch vụ, nhu cầu mua sắm cho tiêu dùng và sản xuất cũng tăng nhanh, thị trường hàng hoá trên địa bàn huyện rất phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân. Các chợ hiện có trên địa bàn huyện đáp ứng được nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa tiêu dùng của dân cư trên địa bàn. Trong những năm qua đã thực hiện có hiệu quả các Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các hình thức chợ phiên, “Hàng Việt về nông thôn”; “Phiên chợ công nhân”...

- Về hoạt động tín dụng: Hệ thống ngân hàng trên địa bàn huyện đã thể hiện được vai trò của mình trong hoạt động tín dụng, bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, huy động và cho vay đầu tư như: Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đồng Phú, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đồng Phú, ngân hàng thương mại: Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietin Bank), ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV), ... đã cung cấp các hoạt động tín dụng, đẩy mạnh lưu thông nguồn vốn trên thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tính đến nay các ngân hàng đã cho vay khoảng 1.200 tỷ đồng.

*** Tiêu chí số 10 - Thu nhập:**

Đề nâng cao mức sống của người dân, huyện đã huy động, lồng ghép các nguồn lực để phát triển kinh tế; thực hiện các cơ chế, chính sách và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển; ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp,... Bên cạnh đó, các mô hình phát triển sản xuất được triển khai cùng với ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất đã làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập cho nông dân trên địa bàn các xã. Một số mô hình cho hiệu quả kinh tế cao và có khả năng phát triển bền vững như: Mô hình trồng cây ăn trái (bưởi da xanh), thu nhập 300-500 triệu đồng/ha; mô hình trồng xen rau, củ các loại, thu nhập 160 - 200 triệu đồng/ha...

Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 13,6 triệu đồng/người/năm; năm 2022 nâng lên đạt 62,17 triệu đồng/người/năm (tăng 4,57 lần so với năm 2010).

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 11 – Nghèo đa chiều:**

Sau 12 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, thông qua các dự án, mô hình phát triển sản xuất, đặc biệt là mô hình hỗ trợ con giống bò Laisind cho các hộ nghèo (từ nguồn vốn phát triển sản xuất nông thôn mới) đã góp phần giảm nhanh. Công tác chăm lo đời sống cho hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo dân tộc thiểu số được quan tâm. Một số kết quả cụ thể như: Tổng số thẻ BHYT cấp cho người thuộc đối tượng Nhà nước hỗ trợ 100% như: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số...: 29.812 thẻ, trong đó: đồng bào DTTS: 6.165 thẻ. Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng số tiền: 3.561,516 triệu đồng, cho 6.057 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với số tiền (mức 49.000 đồng/tháng/hộ). Từ năm 2010 - 2022: Toàn huyện đã xây dựng bàn giao 620 căn nhà cho các hộ nghèo, đồng bào DTTS, hộ khó khăn về nhà ở, bình quân mỗi căn nhà trị giá 40.000.000 đồng. Công tác dạy nghề và tạo việc làm cho lao động trên địa bàn huyện nói chung, lao động thuộc hộ nghèo, lao động là người đồng bào DTTS nói riêng được quan tâm và thực hiện tốt, hằng năm đều đạt tỷ lệ 100% kế hoạch giao.

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện theo chuẩn mới còn 0,31% năm 2022 (giảm 7,19% so với năm 2010 (năm 2010 là 7,5%)).

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm:**

Trong những năm qua, huyện luôn quan tâm đến giải quyết việc làm cho người dân nông thôn, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm. Bên cạnh đó, các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề được

triển khai góp phần nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, ổn định cuộc sống.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo huyện đạt 80%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông hộ:**

- Về phát triển kinh tế tập thể: Xác định vai trò quan trọng của kinh tế hợp tác xã, sản xuất nông nghiệp theo chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm góp phần nâng cao trình độ sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cao trong khu vực nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo động lực để thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới thành công. Huyện Đồng Phú đã tập trung chỉ đạo trong việc phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã nhằm đưa mô hình kinh tế này vào phát triển rộng rãi trên địa bàn, tạo điều kiện để nông dân được tiếp cận với mô hình hợp tác xã kiểu mới. Đến nay, hiện có 92 trang trại theo tiêu chí mới, thu nhập bình quân một trang trại đạt từ 700 - 2.000 triệu đồng/năm và đã thành lập 15 hợp tác xã nông nghiệp (gồm 01 Hợp tác xã chăn nuôi gia súc, gia cầm, 12 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt - cây ăn trái và 01 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực vận tải), thu nhập bình quân lao động đạt từ 8 - 12 triệu đồng/người/tháng, cụ thể:

+ Hợp tác xã Thành Công: Thành lập năm 2001, có 39 thành viên, trồng điều, mít, tổng diện tích 108 ha (98 ha trồng điều, 10 ha trồng mít) hàng năm cho sản phẩm 2,5 tấn điều trên 1ha và 5 tấn măng mít/ha, giải quyết việc làm cho gần 39 lao động.

+ Hợp tác xã Dân Sinh: Thành lập năm 2007, có 24 thành viên, trồng cao su, tổng diện tích 236 ha, hàng năm cho sản phẩm bình quân 10,5 tấn/ha, giải quyết việc làm cho 80 lao động.

+ Hợp tác xã Thành Tiến: Thành Lập năm 2001, có 7 thành viên, trồng cao su, tổng diện tích 38,62 ha, hàng năm cho sản phẩm bình quân 10,5 tấn/ha, giải quyết việc làm cho 13 lao động.

+ Hợp tác xã Bình Phước: Thành lập năm 2016, có 10 xã viên, trồng cây điều, tổng diện tích hiện có là 100 ha, hàng năm cho sản phẩm bình quân 3,5 tấn/ha, giải quyết việc làm thường xuyên cho 15 lao động.

+ Hợp tác xã Hưng Phát: Thành Lập năm 2017, có 7 thành viên tham gia, hoạt động trong lĩnh vực trồng cao su và cây ăn trái, diện tích trồng cao su 11 ha, diện tích cây ăn trái là 5 ha đã tạo điều kiện mang lại thu nhập ổn định cho 12 lao động.

+ Hợp tác xã Thành Phương: Thành Lập năm 2017, có 7 thành viên tham gia, hoạt động trong rau củ, quả và trồng dưa lưới, tổng diện tích sản xuất 10 ha, hàng năm mang lại thu nhập ổn định cho 30 lao động.

+ Hợp tác xã Vận Tải Vạn Phúc: Thành Lập năm 2018, có 7 thành viên tham gia, hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng năm, hợp tác xã mang lại thu nhập ổn định cho 10 lao động.

+ Hợp tác xã Phúc Lộc Thọ: Thành Lập năm 2019, có 10 thành viên tham gia, hoạt động trong lĩnh vực Trồng Sâm bố Chính, tổng diện tích sản xuất là 10 ha, hàng năm mang lại thu nhập ổn định cho 15 lao động.

+ Hợp tác xã SX-TM-DV Cao Đình Lãng Bình Phước: Thành Lập năm 2019, có 10 thành viên tham gia, hoạt động trong lĩnh vực trồng cây Đinh Lãng và sản xuất cao đình năng, hàng năm, mang lại thu nhập ổn định cho 30 lao động.

+ Hợp tác xã SX-DV-TM Đồng Phú: Thành Lập năm 2017, có 7 thành viên tham gia, hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi (bò - heo - trồng cao su), hàng năm, tổng đàn heo của hợp tác xã khoảng 1.000 con, tổng đàn bò khoảng 50 con, khai thác 15 ha cao su mang lại thu nhập ổn định cho 20 lao động.

+ Hợp tác xã Điều Hữu cơ Tân Lợi: Thành Lập năm 2020, có 20 thành viên tham gia, hoạt động trong lĩnh vực trồng cây điều, tổng diện tích hiện có là 859 ha, hàng năm cho sản phẩm bình quân 2,5 tấn/ha, giải quyết việc làm thường xuyên cho 30 lao động.

+ Hợp tác xã SX-TM-DV nông lâm nghiệp Thịnh Phát: Thành Lập năm 2021, có 7 thành viên tham gia, hoạt động trong lĩnh vực trồng cây ăn trái, tổng diện tích hiện có là 15 ha, hàng năm, mang lại thu nhập ổn định cho 15 lao động.

Trên địa bàn huyện đã hình thành mô hình sản xuất theo hướng liên kết như các trang trại chăn nuôi tập trung ký kết đầu ra sản phẩm với các công ty CP, CJ, Japa, mô hình sản xuất đạt chuẩn VietGAP, hợp tác xã trồng cây ăn trái, hợp tác xã trồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP có ký kết hợp đồng với cơ sở thu mua.

Với nguồn vốn phát triển sản xuất được ngân sách nhà nước hỗ trợ từ năm 2010 đến nay, toàn huyện đã thực hiện được 38 dự án phát triển sản xuất, số hộ được hỗ trợ là 391 hộ. Đến nay, toàn huyện có 10/10 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất.

Về chương trình mỗi xã một sản phẩm: Đã có 09 sản phẩm Điều Công ty Cổ phần Hà Mỹ được UBND tỉnh chứng nhận OCOP đạt 4 sao. Các xã đều xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm đảm bảo bền vững đối với sản phẩm trồng trọt như: Trồng cây ăn trái, tiêu, điều và một số cây trồng khác... đối với chăn nuôi ký sản phẩm đầu ra đối với heo, gia cầm.

Đối với các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi được các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGap hoặc tương đương.

Huyện có Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện hoạt động chuyên giao khoa học kỹ thuật cho nông dân; các xã đều thành lập tổ khuyến nông công cộng hoạt động hiệu quả.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông hộ theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

2.4. Văn hóa - Xã hội - Môi trường

*** Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo:**

Đến nay, các xã đã đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; xóa mù chữ. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt 93,24%.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 15 - Y tế:**

Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế - Dân số được quan tâm đầu tư: Toàn huyện có 11 trạm y tế xã đều được xây mới hoặc nâng cấp sửa chữa mở rộng, mua sắm bổ sung trang thiết bị thiết yếu và trang thiết bị y học cổ truyền đảm bảo nhu cầu chăm sóc, bảo vệ nâng cao sức khỏe người dân. Đồng thời công tác xã hội hóa y tế được đẩy mạnh có nhiều cơ sở hành nghề y dược tư nhân được thành lập.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được bảo đảm, chất lượng ngày càng được nâng cao và đạt chuẩn theo quy định. 10/10 xã đều có bác sỹ khám chữa bệnh, hàng năm số lượt người khám chữa bệnh đạt trên 49.000 lượt. Trong những năm qua, Trạm Y tế xã, thị trấn luôn thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, không để dịch bệnh, vụ ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra trên địa bàn; công tác khám chữa bệnh được triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác phòng, chống bệnh dịch thực hiện tốt, không để xảy ra dịch bệnh lây lan.

Đến nay, 100% xã đạt các tiêu chí quốc gia về y tế và có bác sỹ công tác tại Trạm Y tế.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 92,71% (tăng 48,4% so với năm 2010).

- 10/10 xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế .

- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) giảm còn 9,5% (giảm 12,7% so với năm 2010).

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 70%.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 15 về Y tế theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 16 - Văn hóa:**

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng ấp văn hóa, gia đình văn hóa được tích cực triển khai thực hiện góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. 100% khu dân cư (73/73 khu dân cư) trên địa bàn các xã đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, các ấp xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới; đồng thời xây dựng quy ước, hương ước của ấp thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn đoàn kết, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tạo niềm tin trong Nhân dân.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng đời sống văn hóa vì sự phát triển bền vững của xã hội, thông qua phong trào, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và phát huy, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ vững; Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao, thu hẹp khoảng cách giữa vùng sâu, vùng xa với thành thị. Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành, đoàn thể trong lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp tổ chức thực hiện, hàng năm triển khai cho các khu dân cư đăng ký xây dựng khu dân cư văn hóa, các hộ dân đăng ký và cam kết thực hiện gia đình văn hóa theo tiêu chí nông thôn mới. Kết quả tỷ lệ hộ dân ở các xã đạt gia đình văn hoá trên 91,3%.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội: Huyện đã ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và Lễ hội trên địa bàn huyện và chỉ đạo các Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể triển khai thực hiện. Vì vậy, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực.

- Về việc cưới: Đã thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, nhiều đơn vị đã vận động tốt công tác tổ chức cưới tại Nhà Văn hóa thôn, không ăn uống linh đình kéo dài, không hút thuốc lá.

- Về việc tang: Được thực hiện đúng quy định, khi có người chết, trường hợp chết do có bệnh truyền nhiễm đã được tổ chức an táng ngay, các hủ tục lạc hậu đã được xóa bỏ. Việc dùng hình thức hỏa táng trong đám tang đang được nhân rộng.

- Về Lễ hội: Lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện được duy trì thường xuyên như: Tết CholChnămThmây (dân tộc Khmer), Lễ hội Ramadan (dân tộc Chăm), lễ hội Mừng lúa mới (dân tộc S'tiêng), Tết Thanh minh (dân tộc Tày, Nùng); các hội do khu dân cư tổ chức vào dịp Tết Nguyên đán tạo sân chơi lành mạnh cho cộng đồng dân cư, bảo tồn một số trò chơi dân gian như: Hội vui xuân của đồng bào Tày, Nùng ấp Phước Tân, xã Tân Phước (hàng năm đều duy trì tổ chức), một số ấp của xã Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hòa, Đồng Tiến với các môn như: Ném còn, lày cỏ, bóng chuyền, bóng đá, cà kheo, nhảy bao bố, kéo co, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, đánh cồng chiêng, ... Các Lễ hội đã được chính quyền và Nhân dân địa phương tổ chức đúng nghi lễ truyền thống, có phần lễ và phần hội, an ninh trật tự được đảm bảo, không có tình trạng đồng bóng, bói toán... Tổ chức tốt việc hướng dẫn Nhân dân và du khách tham gia các lễ hội thực hiện đúng nếp sống văn minh trong lễ hội.

Với những kết quả đạt được, nhiều xã trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh tặng Bằng khen và Cờ thi đua, Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND huyện tặng Giấy khen, trong đó nhiều đơn vị nhiều năm liên tục được tặng Giấy khen, Bằng khen.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 16 về Văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 17 - Môi trường và An toàn thực phẩm:**

- *Chỉ tiêu 17.1*- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định:

Đến nay, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99%; (tăng 15,2% so với năm 2010), số hộ sử dụng nước sạch là 17.488/25.739 hộ đạt 67,94%. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 05 hệ thống cung cấp nước sạch tập trung: Công ty cấp nước tại thị trấn Tân Phú, Trạm cấp nước xã Tân Lập, Nhà máy cấp nước Đồng Xoài tại xã Thuận Lợi, Trạm cấp nước xã Tân Tiến, Trạm cấp nước khu Định canh định cư đồng bào dân tộc tại ấp Pha Péch, xã Tân Hưng; các xã còn lại người dân dùng hệ thống nguồn nước hộ gia đình và kết hợp máy lọc nước. Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn triển khai hỗ trợ xây dựng 14 bể lọc sắt và 24 thiết bị lọc nước Aluwat phục vụ nước sinh hoạt cho 38 hộ dân thuộc diện chính sách, hộ nghèo tại 03 xã (Tân Lập, Thuận Phú, Tân Phước), với tổng số tiền hỗ trợ 213.962.000 đồng.

- *Chỉ tiêu 17.2* - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:

Trên địa bàn huyện có khoảng 400 cơ sở sản xuất và hộ kinh doanh cá thể (cấp tỉnh quản lý 19 cơ sở; cấp thị xã quản lý 76 cơ sở; cấp xã quản lý 285 cơ sở); trong đó có 200 cơ sở sản xuất (bao gồm các cơ sở sản xuất hoạt động trong Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú và Cụm công nghiệp Hà Mỹ) đã thực hiện lập hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định. Trong quá trình hoạt động, hầu hết các Cơ sở sản xuất kinh doanh đã cơ bản chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định. Các hộ kinh doanh và cơ sở sản xuất trên đều đảm bảo các quy định về môi trường, các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh thuộc đối tượng phải đăng ký đề án bảo vệ môi trường đã tiến hành đăng ký và cam kết thực hiện theo quy định.

- *Chỉ tiêu 17.3* - Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:

Công tác quản lý môi trường có chuyển biến tích cực, các xã đã làm tốt công tác tuyên truyền hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và các hộ dân trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và người dân. Các xã đã thành lập các tổ thu gom rác thải tập trung về địa điểm tập kết và được đưa đi xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường. Công tác chỉnh trang lại nhà cửa, cải tạo vườn cây, trồng cây xanh bóng mát các tuyến đường giao thông các ấp, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp được các xã, đơn vị, các cơ sở sản xuất kinh doanh và Nhân dân triển khai thực hiện tốt; Hàng tháng, huy động trên 4.300 lượt người ở các cơ quan, đơn vị và người dân tham gia tổng vệ sinh môi trường; tổ chức chỉnh trang và phát quang trên các trục đường giao thông nông thôn. Toàn huyện đã trồng được trên 82,3 km đường hoa dọc các trục đường xã, đường thôn và liên thôn, trồng 5.180 cây bóng mát; Tạo cảnh quan thông thoáng, sáng, xanh, sạch, đẹp. Trên địa bàn các xã đã có các mô hình thu gom xử lý rác thải: Mô hình “thu gom rác bằng xe ba gác” đảm bảo các khu dân cư được thu gom rác tận nơi; Mô hình “thùng rác tự quản” đảm bảo các hộ gia đình bỏ rác đúng nơi quy định; Mô hình “Phân loại và xử lý rác thải” ; Mô hình “Khu dân cư không rác thải”.

Ngoài ra, đã triển khai thực hiện xây dựng 10 trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt; trang bị 20 xe đẩy tay thu gom rác và 150 thùng phân loại rác tại nguồn thuộc mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nông thôn cho các xã Tân Tiến, Tân Lập, Tân Phước, Đồng Tiến, Đồng Tâm, Thuận Phú, Thuận Lợi và thị trấn Tân Phú, với tổng kinh phí 760 triệu đồng;

- *Chỉ tiêu 17.4* - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$): Các xã đều có quy hoạch diện tích khu vực trồng cây xanh tại các khu dân cư nông thôn.

- *Chỉ tiêu 17.5*- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:

Về nghĩa trang, quy hoạch và quản lý theo quy hoạch: UBND huyện đã quy hoạch Nghĩa trang Nhân dân huyện tại xã Tân Hưng với quy mô 28,83ha, hiện nhà đầu tư đang triển khai xây dựng các hạng mục theo Đồ án (đạt khoảng 60%) dự án phê duyệt; 10/10 xã, đều được quy hoạch nghĩa trang, trong đó có 02/10 xã có quy hoạch chi tiết gồm: Nghĩa trang xã Thuận Phú: 2,3 ha và nghĩa trang xã Tân Lập: 8,3 ha; công tác quản lý nghĩa trang theo quy hoạch được đảm bảo, việc mai táng và an táng đều được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh của người dân, các nghĩa trang đều có quy chế quản lý.

- *Chỉ tiêu 17.6* - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom xử lý theo quy định:

* *Về thu gom và xử lý chất thải rắn:*

- Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Năm 2022, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 12.648 tấn. Hiện trên địa bàn huyện đã giao cho UBND các xã, thị trấn thu gom rác thải sinh hoạt (các trường hợp thu gom đều là xã hội hóa), việc thu gom rác thải sinh hoạt (02 lần/ngày, vào lúc 06 giờ sáng và 18 giờ chiều) được thực hiện tại 10/10 xã, 01 thị trấn có dân cư tập trung và giao thông thuận lợi, rác sinh hoạt được thu gom vận chuyển tập kết về các bãi rác của xã, thị trấn. Ngoài ra, việc thu gom rác thải đối với các hộ dân ở dọc các tuyến đường ĐT741, bố trí những điểm tập kết rác thải phù hợp để thuận tiện cho việc bỏ rác của người dân, cụ thể: trên tuyến ĐT741 bố trí 110 thùng rác 03 ngăn có nắp đậy tại các địa điểm công cộng: trường học, cơ quan, nhà văn hóa ấp, sóc, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để phục vụ công tác phân loại rác, bỏ rác và thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, sau đó huyện vận chuyển hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Công nghệ môi trường Bình Phước tiến hành thu gom để xử lý; các khu vực dân cư sống rải rác chưa có đơn vị thu gom, các hộ dân tự thu gom xử lý bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp tại nhà. Đối với các khu dân cư, điểm dân cư, khu vực tập kết rác sinh hoạt đã trang bị thùng chứa rác và hướng dẫn hộ dân tự phân loại rác tại nguồn, tận dụng triệt để rác hữu cơ để làm phân bón.

- Công tác thu gom, xử lý rác thải tại bãi rác: Tăng cường xử lý bằng chế phẩm sinh học để hạn chế mùi hôi và diệt côn trùng, nhất là trong thời điểm giao mùa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương và cơ

quan chức năng trong việc yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý rác đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Công tác thu gom xử lý đối chất thải rắn công nghiệp và nguy hại tại các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện: Huyện đã có quy hoạch 01 ha xử lý rác thải công nghiệp và rác thải nguy hại tại xã Tân Hưng, do đó đã giảm tải được khối lượng rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong và ngoài khu công nghiệp, đồng thời đã giảm thiểu được tác động về môi trường đối với lượng rác thải này. Công tác quản lý nguồn nước thải, chất thải tại các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường, quy hoạch khu xử lý chất thải rắn cho huyện.

- Đối với các hộ gia đình ở vùng sâu, vùng xa, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt chưa thể tiếp cận, UBND huyện chỉ đạo các xã hướng dẫn tổ chức thực hiện cam kết bảo vệ môi trường đến từng hộ dân, trong đó hướng dẫn phương pháp tự xử lý và quy trình tự xử lý để người dân tự thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nhà. Đối với phương tiện thu gom, vận chuyển: Các đơn vị thu gom rác trên địa bàn huyện đã bố trí phương tiện thu gom theo quy định, đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, tuyến đường thu gom khó khăn, các đơn vị thu gom rác thải sử dụng phương tiện (xe máy cày; xe ba gác máy,...) để thu gom, đưa về các địa điểm trung chuyển phù hợp rồi được xã thu gom đưa về bãi rác tập trung của xã để đưa đi xử lý.

Nhìn chung, kết quả đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt khoảng 80%,; 100% tỷ lệ chất thải rắn y tế, chất thải nguy hại từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý. Tuy nhiên, bên cạnh đó một số đơn vị thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trên địa bàn huyện thực hiện chưa nghiêm túc; chưa chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, vẫn còn tình trạng thu gom, xử lý chất thải không đảm bảo quy định, gây phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường và đời sống người dân xung quanh khu vực. Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các ngành nhắc nhở các chủ cơ sở phải chấp hành nghiêm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Qua công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ và nghiêm khắc xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường nên các cơ sở thu gom, xử lý chất thải đã nâng cao nhận thức và đa số đã chấp hành nghiêm các quy định về công tác bảo vệ môi trường.

** Về thu gom và xử lý nước thải:*

- Đối với công tác thu gom xử lý nước thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để thu gom xử lý nước thải từ các hộ dân; các hộ dân tự đầu tư xây dựng công trình bể tự hoại để xử lý nước thải phát sinh.

- Đối với công tác thu gom, xử lý chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng: Hiện nay khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật, phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp hàng năm phát sinh khoảng 1.125 kg, được thu gom và xử lý theo quy định (UBND huyện đã lắp đặt các bể thu gom bằng vật liệu bê tông cốt thép, có khả năng chống thấm, không thấm thấu chất thải ra bên ngoài với 30 bể), hàng năm thực hiện 02 đợt thu gom (thời gian vào tháng 6 và tháng 12) và đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Bình Phước có chức năng thu gom, vận chuyển chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đưa về nhà máy xử lý theo đúng quy định đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Về rác thải y tế: Rác thải y tế được Trung tâm y tế huyện và các phòng khám tư nhân hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- *Chỉ tiêu 17.7* - Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tại các điểm sản xuất, các xã trang bị các thùng chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định về chất thải rắn.

Trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã và cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện đều thực hiện nghiêm việc thu gom, xử lý đối với các chất thải rắn phát sinh trong quá trình khám, điều trị bệnh cho người dân, đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thải y tế.

Kết quả đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đạt 100% đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- *Chỉ tiêu 17.8* - Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:

Tỷ lệ hộ dân nông thôn có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 96,8% (tăng 56,8% so với năm 2010). Tỷ lệ trường học, trạm Y tế có nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%, về cơ bản đảm bảo 3 sạch theo mức quy định của vùng.

- *Chỉ tiêu 17.9* - Tỷ lệ các cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ sinh môi trường:

Trên địa bàn huyện có 63 trang trại chăn nuôi (16 trang trại nuôi gia cầm, 47 trang trại nuôi heo) và khoảng 2.000 hộ gia đình chăn nuôi nông hộ. Chất thải trong chăn nuôi được xử lý chủ yếu qua hầm biogas, đệm lót sinh học, các chế

phẩm xử lý ô nhiễm môi trường đã giảm thiểu ô nhiễm môi trường và lợi ích kinh tế.

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100% (tăng 52,1% so với năm 2010). Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- *Chỉ tiêu 17.10* - Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:

Công tác quản lý an toàn thực phẩm được tăng cường kiểm tra và thường xuyên tuyên truyền tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động cho người quản lý, sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, phát triển kinh tế - xã hội.

Tổng số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Có 560/560 hộ đạt 100%.

- *Chỉ tiêu 17.11* - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Có trên 30% hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại các hộ gia đình.

- *Chỉ tiêu 17.12* - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Có trên 65% tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom xử lý theo quy định.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

2.5. Hệ thống chính trị :

*** Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật:**

Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; cấp ủy, chính quyền các xã đã tích cực, làm tốt công tác tổ chức và củng cố xây dựng hệ thống chính trị địa phương vững mạnh; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức có những bước chuyển biến theo hướng tích cực; 100% cán bộ lãnh đạo và công chức xã đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ. Đồng thời, quan tâm chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công chức đạt chuẩn. Từ năm 2010 đến năm 2022 các xã đã cử 758 lượt cán bộ, công chức tham gia học đại học, trung cấp và các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Đến nay, đội ngũ cán bộ chủ chốt (Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND-UBND) các xã đều có trình độ Đại học

và 100% đạt chuẩn về lý luận chính trị; 100% công chức chuyên môn các xã có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định; cán bộ chuyên trách các xã cơ bản đạt chuẩn.

- Các xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định như: Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQVN, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCS HCM, Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân. Đối với các ấp có đủ tổ chức gồm: Chi bộ, Trưởng ấp và Phó Trưởng ấp, Ban công tác Mặt trận, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh. Hàng năm các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Đảng ủy, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

- Thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp Quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; 100% các xã đều đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và được Chủ tịch UBND huyện ra quyết định công nhận.

- Có 10 xã đạt tỷ lệ nữ trong cấp ủy đạt chuẩn theo quy định (đạt từ 15% trở lên); 100% xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ chương trình, không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình. 100% số xã, thị trấn đều có các chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh xã, bình quân từ 02 chuyên mục/tháng trở lên. 100% số xã, thị trấn đều có quyết định thành lập hoặc công nhận địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng đặt tại Trạm Y tế đảm bảo theo quy định. đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

- 100% các xã có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

*** Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh:**

- Chỉ tiêu 19.1 về Quốc phòng:

Công tác quốc phòng: Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; Ban CHQS huyện cùng các ngành đã tham mưu Huyện ủy, UBND huyện trong việc tổ chức, triển khai, quán triệt, thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương, góp phần hoàn thành mục tiêu, tiêu chí nông thôn mới, cụ thể:

Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng:

+ Xây dựng triển khai đầy đủ các kế hoạch theo quy định của Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về dân quân tự vệ.

+ Tổ chức, biên chế đơn vị Dân quân tự vệ quy định tại Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

+ Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn đều có trụ sở làm việc riêng và trang thiết bị cơ bản đảm bảo theo quy định. Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm; Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó được đào tạo chuẩn theo quy định; hàng năm được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn.

+ Chế độ, chính sách: Cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.

Chất lượng chính trị: Tỷ lệ Đảng viên trong Dân quân tự vệ đạt 25%; riêng dân quân đạt 21%; 100% Chi bộ quân sự có cấp ủy, đại đội, trung đội dân quân cơ động có tổ đảng, tiểu đội Dân quân thường trực có đảng viên; 100% Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã tham gia cấp ủy và ủy viên UBND cùng cấp.

+ Hàng năm 100% đơn vị Dân quân tự vệ được tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật và huấn luyện quân sự đặc biệt, quản lý, sử dụng thành thạo các loại vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ theo phân cấp, quân số đạt trên 90% so với tổng số Dân quân tự vệ, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy, lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng tài sản của Nhân dân.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự; 11/11 xã, thị trấn hoàn thành 100%

chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hằng năm theo chỉ tiêu giao; đảm bảo 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương được đăng ký quân dự bị và quản lý theo quy định; 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý, sẵn sàng động viên khi có lệnh; hàng năm tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban Chỉ huy quân sự huyện theo quy định của pháp luật...

+ Hoạt động: Ban Chỉ huy quân sự xã, thị trấn thường xuyên phối hợp với Công an xã, thị trấn và các cơ quan chức năng có liên quan trong thực hiện Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về hoạt động phối hợp Dân quân tự vệ; Nghị định số 03/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng đúng theo kế hoạch phối hợp đã ký kết.

- Chỉ tiêu 19.2 về An ninh:

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đạt hiệu quả, an ninh trật tự được giữ vững ổn định. Hàng năm, Đảng ủy các xã có Nghị quyết chuyên đề, UBND các xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Lực lượng công an, quân sự các xã thường xuyên phối hợp đấu tranh, phòng chống tội phạm. Trên địa bàn các xã trong những năm qua tình hình an ninh chính trị được giữ vững, ổn định, không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không phát sinh khiếu kiện đông người, kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; các xã được kiểm chế, năm sau thấp hơn năm trước các loại hình phạm tội như: Phạm tội và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế; do lực lượng công an quản lý tốt địa bàn, đối tượng, chủ động tham mưu xử lý các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự, các vụ án được dư luận xã hội quan tâm, bảo đảm đúng người, đúng tội và đúng pháp luật;

Các xã đã thực hiện tốt cuộc vận động “Vì bình yên cuộc sống, từng người, từng nhà từng cơ quan đơn vị hãy làm nhiều việc tốt về ANTT”, xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT, xây dựng các mô hình tự quản về ANTT ở khu dân cư. Các mô hình tự quản về ANTT được các xã xây dựng và hoạt động có hiệu quả, như đội PCTP do công an xã làm chỉ huy...; UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai xây dựng mô hình “Camera với ANTT” tại các xã, thị trấn. Đã lắp 200 camera an ninh tại các xã, thị trấn đảm bảo hoạt động 24/24 giờ.

Hàng năm các xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự, lực lượng công an các xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh theo quy định.

*** Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 10/10 xã đạt Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

(Đính kèm Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới của các xã)

3. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã

Huyện có 02/10 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 20%, gồm các xã: Tân Tiến (năm được công nhận 2020), Tân Lập (năm được công nhận 2021).

Các xã đã nâng chất kết quả thực hiện đạt 20 tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể kết quả thực hiện như sau:

3.1. Quy hoạch

02 xã có quy hoạch chung xây dựng xã đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch, có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch; có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên (Quyết định số 10106/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án và quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Tiến; Quyết định số 9420/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án và quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Lập).

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.2. Giao thông

Đường giao nông thôn được quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn theo quy định.

- Đường xã trên địa bàn 02 xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định đạt 100%;
- Đường áp và đường liên áp được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100%.
- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt chuẩn theo quy định, đạt 100%.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100%.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 02 về Giao thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.3. Thủy lợi và Phòng chống thiên tai

02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đều đảm bảo đạt nội dung về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai theo quy định, cụ thể:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 90%/xã. Xã có Quyết định thành lập và quy chế hoạt động Ban quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đảm bảo kênh, mương, cống,... được kiểm tra, phát hiện và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm phạm vi bảo vệ công trình; đảm bảo lòng kênh, rạch thông thoáng không gây cản trở dòng chảy; hàng năm, có kế hoạch, phương án bảo vệ công trình thủy lợi do xã quản lý. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt trên 50% theo quy định. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. Thực hiện thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi theo quy định trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân công, phân cấp.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt loại tốt: Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương; các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh; có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.4. Điện: 02 xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện đảm bảo đạt tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Tỷ lệ hộ sử dụng điện có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trung bình 02 xã đạt 99,7%.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 04 về Điện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.5. Giáo dục:

- Trường học được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định, tại thời điểm công nhận xã nông thôn mới, chưa có trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; đến nay, 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1

(7/7 trường) và mỗi xã có trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. Sau khi các xã được công nhận nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, ngành Giáo dục và Đào tạo cùng các cấp chính quyền tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học cho 02 xã.

- Công tác phổ cập giáo dục được ngành Giáo dục và địa phương quan tâm thực hiện và đã được UBND huyện công nhận 02 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; công nhận Cộng đồng học tập cấp xã được xếp loại tốt; thành lập câu lạc bộ bóng đá mini và cầu lông cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.6. Văn hóa

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đều có khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Tỷ lệ áp dụng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới là 100%.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Mỗi xã có chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm, các cơ sở kinh doanh tại chợ có bảng hiệu ghi tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của chủ kinh doanh cũng như mặt hàng kinh doanh; trong quá trình hoạt động, các cơ sở đảm bảo khu vực kinh doanh luôn sạch sẽ, sử dụng thùng rác có nắp đậy và phân loại rác theo đúng quy định; chủ kinh doanh sản phẩm động vật tuân thủ, chấp hành đúng quy định bày bán đảm bảo vệ sinh thú ý; trang bị, xây dựng sàn bán bằng các chất liệu bền, không thấm nước, không bị ăn mòn; sàn bán xây cách cao sàn chợ; cơ sở kinh doanh không sử dụng các chất độc hại để bảo quản sản phẩm;...

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.8. Thông tin và Truyền thông

Các xã đều có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đều đạt trên 100%/xã; 100% ấp có hệ thống loa hoạt động thường xuyên và 100% số ấp trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet,...; có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới (*Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt trên 80%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%*); tại UBND xã, nhà văn hóa xã, trạm Y tế,... có mạng wifi miễn phí để người dân truy cập.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.9. Nhà ở dân cư: Đời sống của người dân ổn định, có điều kiện xây cất, cải tạo, sửa chữa nhà ở khang trang, sạch đẹp, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 97%/xã (tăng từ 10% hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố so với thời điểm được công nhận nông thôn mới).

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.10. Thu nhập

Các xã thực hiện phát triển kinh tế nông thôn toàn diện ở các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề gắn với xây dựng NTM nâng cao; hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị; thực hiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo từng lĩnh vực và phát triển sản phẩm chủ lực để tập trung phát triển sản xuất hàng hóa; đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm;... đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập. Đến cuối năm 2022, thu nhập bình quân đầu người đạt từ 76 triệu đồng/người/năm/xã trở lên.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.11. Nghèo đa chiều

Việc thực hiện tốt các chính sách về vay vốn ưu đãi đã giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn,... có vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lao động,... nhờ đó nâng cao thu nhập hộ gia đình góp phần vươn lên thoát nghèo, giảm nghèo bền vững; các xã tập trung giảm tỷ lệ nghèo đa chiều đạt dưới 0,18% (*tỷ lệ nghèo đa chiều: xã Tân Tiến là 0,18%, Tân Lập là 0,03%*).

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.12. Lao động

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt trung bình trên 85 %/xã.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt trung bình 43,9%/xã.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn đạt trung bình 47,5%/xã.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

- Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản phẩm OCOP nhằm nâng cao giá trị gia tăng,... mỗi xã đều có từ 01HTX Nông nghiệp hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Mỗi xã có sản phẩm chủ lực của xã sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định; có chỉ dẫn địa lý; có kênh phân phối ổn định và hiệu quả (Sản phẩm của xã: Tân Tiến là sản phẩm dưa lưới, Tân Lập là sản phẩm hạt điều rang muối).

- Thực hiện đạt các nội dung: có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm; ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã; trên 10% sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử; vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng; có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội; có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.14. Y tế

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trung bình 95%/xã.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt trung bình 90%/xã.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt trung bình 45%/xã.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt trung bình 90%/xã.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 14 về Y tế theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.15. Hành chính công

Các xã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên; giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.16. Tiếp cận pháp luật

Các xã có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận; tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành và tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt trên 90%/xã.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.17. Môi trường

Khu kinh doanh dịch vụ chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn đều có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng đạt quy chuẩn về bảo vệ môi trường. 100 % các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%/xã. Các tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt trên 60%/xã. Tổng số hộ gia đình trên địa bàn thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 60%/xã. Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý 100% đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường đạt 90%/xã. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt trung bình 97%/xã. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch, năm 2022 trên địa bàn 02 xã có 15/133 trường hợp hỏa táng (xã Tân Tiến có 07/62 trường hợp hỏa táng, xã Tân Lập có 8/71 trường hợp hỏa táng), đạt tỷ lệ 11,28%.

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt trung bình 4,11m²/người.

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý đạt trên 90%/xã.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí 17 về Môi trường theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.18. Chất lượng môi trường sống:

Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 68%/xã. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm. Mỗi xã có 01 công trình cấp nước tập trung đều có tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 100%. Tất cả hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm đều được tập huấn về an toàn thực phẩm. Trên địa bàn không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm. 100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%/xã. chất thải rắn sinh hoạt được chuyển tới khu xử lý tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.19. Quốc phòng và An ninh

02/02 xã thực hiện đạt nội dung về nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (*giao thông, cháy, nổ*) nghiêm trọng trở lên; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

3.20. Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu:

02/02 xã được UBND huyện công nhận 06 ấp đạt khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, xã Tân Tiến đạt 02 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (ấp Thái Dũng, ấp Chợ), xã Tân lập đạt 03 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (ấp 2, ấp 3, ấp 5, ấp 6)

Đánh giá: 02/02 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

Đính kèm Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện 20 tiêu chí nông thôn mới nâng cao của 02 xã).

4. Kết quả thực hiện xây dựng đô thị văn minh ở các thị trấn:

Thực hiện Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục xét, công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh, đến nay trên địa bàn huyện có 01 thị trấn: thị trấn Tân Phú đạt chuẩn tiêu chí đô thị văn minh, đạt 100%. Một số kết quả thực hiện tiêu biểu cụ thể như sau:

- Thị trấn có quy hoạch chung đô thị được phê duyệt và công bố công khai; số hộ có nhà xây kiên cố phù hợp với kiến trúc chung của đô thị đạt trên 90%; không có nhà tạm, nhà dột nát.

- Các tuyến đường trên địa bàn thị trấn được rải nhựa hoặc bê tông hóa theo quy hoạch; các tuyến phố chính đều có vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh, cây bóng mát; hệ thống điều khiển giao thông, đèn tín hiệu, biển chỉ dẫn được lắp đặt đầy đủ theo quy định; hành lang an toàn giao thông đảm bảo mỹ quan đô thị; không có hiện tượng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè kinh doanh, buôn bán, vi phạm trật tự an toàn giao thông; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%; tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ phố được chiếu sáng đạt trên 80%.

- Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn thị trấn đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định; 100% số hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy định; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Trên địa bàn thị trấn thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tỷ lệ tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông không tăng so với năm trước; không có vụ việc về cháy, nổ, tai nạn giao thông từ nghiêm trọng trở lên, không có đối tượng tham gia đua xe và không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép trên địa bàn; thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

- 100% hộ gia đình có thiết bị nghe nhìn thông minh, có thuê bao Internet băng rộng và người dân sử dụng điện thoại di động thông minh; có kênh giao tiếp chính thức trên mạng xã hội của Việt Nam.

- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt 98%; thu nhập bình quân đầu người trung bình đạt 76 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ nghèo đa chiều là 0%.

- Có Nhà văn hóa có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, được quản lý sử dụng đúng mục đích; số hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị theo các quy định của trung ương, địa phương và quy ước của tổ dân phố đạt trên 90%; các đội văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ ở thị trấn và các tổ dân phố thường xuyên hoạt động.

- Thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%; 100% trường học (3/3 trường) các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có 3/3 trường học trên địa bàn thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 100%; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 87%.

- Cán bộ, công chức làm việc tại thị trấn đạt chuẩn theo quy định. Năm 2022 tổ chức Đảng đạt trong sạch, vững mạnh; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị -

xã hội đạt loại khá trở lên. Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định. Đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

5. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

5.1. Tiêu chí 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

Quy hoạch xây dựng huyện lỵ Đồng Phú đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 26/6/2018.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đồng Phú đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2040. Huyện đã phối hợp với Công ty CPTV Tổng hợp (đơn vị tư vấn) lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Đồng Phú đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2040. Theo nhiệm vụ quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 10/7/2019. Đồng thời, huyện đang tập trung triển khai thực hiện một số nội dung quy hoạch.

Nội dung Quy hoạch xây dựng tập trung:

+ Cụ thể hoá chủ trương phát triển kinh tế, xã hội huyện Đồng Phú, Quy hoạch xây dựng vùng Đồng Phú tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của tỉnh và huyện một cách bền vững.

+ Xác định sự hình thành và phát triển hệ thống đô thị nông thôn, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Đồng Phú.

+ Định hướng kết nối hệ thống hạ tầng của huyện với hạ tầng của tỉnh Bình Phước và các khu vực liên quan.

+ Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng và nguồn lực của huyện; tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường.

+ Làm cơ sở để hướng dẫn các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị và các khu dân cư nông thôn, khu vực phát triển công nghiệp, du lịch,... và hệ thống các công trình chuyên ngành, đảm bảo vùng huyện phát triển hài hòa, đồng bộ.

+ Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn huyện, tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.

+ Làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch chung xây dựng xã tiếp theo.

Quy hoạch vùng cũng đã xác định rõ định hướng phát triển không gian vùng, định hướng phát triển các không gian kinh tế, phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn, gắn với bảo vệ môi trường; định hướng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật ... gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Công khai quy hoạch: UBND huyện tổ chức công khai quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt để Nhân dân và các tổ chức liên quan biết và thực hiện.

Hình thức công khai: In ấn phẩm phát hành rộng rãi, trưng bày bản vẽ tại trụ sở UBND huyện, xã, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh huyện, xã.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt: Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, huyện đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt như: Trung tâm hành chính huyện, Trung tâm văn hóa - thể thao huyện, Trung tâm thương mại huyện, Trung tâm y tế huyện, hệ thống các trường học trên địa bàn 10/10 xã, hệ thống trạm y tế xã, các công trình hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã - thị trấn đều được triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt, có sự kết nối đồng bộ, phục vụ tốt các nhu cầu về giáo dục, y tế, văn hóa, tiếp cận pháp luật, sản xuất, kinh doanh của Nhân dân trên địa bàn.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch.

- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường.

- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ **Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm:**

Từ các nguồn vốn và sự đóng góp của người dân, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đã được đầu tư nâng cấp cơ bản đồng bộ, thông suốt, đảm bảo kết nối từ trung tâm xã đến trung tâm hành chính huyện và kết nối với các vùng lân cận. Huyện có 01 tuyến Quốc lộ 14 với tổng chiều dài 20km, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa, đặc biệt kết nối với vùng kinh tế của tỉnh; có 03 tuyến đường tỉnh: gồm đường tỉnh ĐT741, đường tỉnh DDT, đường tỉnh 758 với tổng chiều dài 69,3km; có 18 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 180,07km; có 109 tuyến đường đô thị với tổng chiều dài 97,92km; có 646 tuyến đường xã với tổng chiều dài 1.031,31 km; có 45 cầu giao thông nông thôn kiên cố. Các xã đều có đường ô tô kết nối với Trung tâm hành chính xã; đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông, cấp phối sỏi đỏ, đạt 100%; Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%; Đường trục chính nội đồng được cứng hóa với tổng chiều dài 25,88/66,972km, đạt 38,64%, các tuyến đường đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT.

+ Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch:

Hiện nay trên địa bàn huyện hiện có 18 tuyến đường huyện, với tổng chiều dài 180,07km, tất cả các tuyến đường đều được đầu tư, nâng cấp theo quy hoạch và đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

Trên tất cả các tuyến đường huyện có 18 cầu giao thông nông thôn được đầu tư kiên cố, quy mô và tải trọng phù hợp cấp đường theo quy hoạch; đồng thời trên tất cả các tuyến đều có các hạng mục cần thiết như: biển báo tải trọng, biển báo chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...được bảo trì hàng năm.

+ Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường: Trên tất cả các tuyến đường huyện đều được trồng cây xanh dọc 02 bên tuyến đường, đạt 100%; đồng thời trong quá trình trồng cây xanh đều tuân thủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 28, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ; không trồng cây trên lề đường làm che khuất cọc tiêu, biển báo, hạn chế tầm nhìn, đồng thời làm hư hỏng lề đường, mặt đường gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông; đối với các tuyến đường hoa các loại hoa đảm bảo chiều cao không vượt quá 0,5m và cách mặt đường tối thiểu 01m.

+ Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên: Trên địa bàn huyện chưa có bến xe khách.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 2 về Giao thông theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện:

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống:

Huyện đã chủ động xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước, để đảm bảo tốt nguồn nước cho sản xuất và đời sống sinh hạt dân cư, trong đó bao gồm nguồn nước từ các công trình thủy lợi, nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào, nguồn nước ngầm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý, về bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, trong đó tập trung tuyên truyền: Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc Hội; Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/11/2022 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều; chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những khu vực có nguồn nước hạn chế, đồng thời sử dụng các giống cây, con ngắn ngày có khả năng chịu hạn.

Đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi đã lập kế hoạch cung cấp nước, lịch bơm tưới cho từng cánh đồng cụ thể tại các trạm bơm, đảm bảo cung cấp đủ nước cho Nhân dân sản xuất nông nghiệp. Công tác đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi được đặc biệt quan tâm, việc đầu tư, sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi đã hạn chế phát sinh hư hỏng lớn, đảm bảo an toàn công trình, nâng cao hiệu quả bơm tưới phục vụ sản xuất và giúp các địa phương hoàn thành tiêu chí thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới. Nhìn chung, hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt dân sinh. Hiện có trên 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp huyện được tưới, tiêu nước chủ động theo quy định và đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:

Công tác phòng chống thiên tai được quan tâm thực hiện nhằm để chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục kịp thời, hiệu quả nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

Hàng năm, huyện thực hiện củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp theo quy định của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai và Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Đồng Phú được thành lập và được kiện toàn kịp thời theo quy định hàng năm. Văn phòng thường trực Ban chỉ huy đặt tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện. Huyện có Quyết định phân công cụ thể

trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy để tham mưu kịp thời cho lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo triển khai các phương án ứng phó hiệu quả trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

- 100% số cán bộ cấp huyện tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

- 100% số đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã được hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

- Hàng năm, Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện có tham mưu UBND huyện xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án về phòng, chống thiên tai; theo dõi, đôn đốc các xã xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án về phòng, chống thiên tai cấp xã.

- Huyện tổ chức diễn tập các phương án phòng chống thiên tai trên cơ sở quán triệt phương châm "*bốn tại chỗ*" (*chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ*) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả. Rà soát cập nhật, xác định những khu vực trọng điểm, có nguy cơ khi xảy ra thiên tai trên địa bàn để chủ động di dời dân ra khỏi khu vực nguy hiểm; xây dựng phương án cụ thể và sẵn sàng thực hiện sơ tán khi cần thiết; kiểm tra lực lượng, phương tiện, vật tư, kinh phí để thực hiện tốt phương châm "*bốn tại chỗ*"; chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men, nhu yếu phẩm; bố trí thiết bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn tại chỗ, vật tư và kinh phí dự phòng đến cấp cơ sở.

- Huyện có thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Kế hoạch, Quy hoạch của huyện hàng năm và theo từng giai đoạn. Đầu tư kiên cố hóa các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đã góp phần đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, đô thị hóa và nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung hệ thống loa đài phục vụ công tác truyền tải thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai kịp thời đến người dân các xã. Các điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai có lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

- Thường xuyên phối hợp các Sở, ngành có liên quan kiểm tra, xử lý tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, không để phát sinh những vụ vi phạm mới.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a) Yêu cầu tiêu chí:

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

b) Kết quả thực hiện:

Hệ thống điện trung, hạ áp liên xã trên địa bàn huyện trong thời gian qua được quan tâm đầu tư đồng bộ theo quy hoạch phát triển của ngành điện. Các tuyến đường dây thường xuyên được kiểm tra, nâng cấp và cải tạo đảm bảo đạt các thông số kỹ thuật trong vận hành theo quy định của Bộ Công thương; lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và phát triển kinh tế xã hội. Toàn huyện có tổng số hộ sử dụng điện là 25.618 hộ, đạt tỷ lệ 99,53% (25.618/25.739 hộ). Tổng số hộ sử dụng điện có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn là hộ, đạt tỷ lệ 99,33% (25.567/25.739 hộ).

Hệ thống điện đầu tư liên xã trên địa bàn huyện gồm:

Đến nay, lưới điện được phân phối đáp ứng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật và được kết nối truyền dẫn liên xã, ấp. Trong 12 năm qua, trên toàn huyện đã đầu tư được 91,05km trung thế, 146,91km hạ thế, 135 TBA (trạm biến áp), nâng tổng số hệ thống điện trên địa bàn huyện đạt 385,45 km trung thế; 397,21 km hạ thế và 532 TBA; hệ thống điện đảm bảo an toàn kỹ thuật theo quy định của Bộ Công thương với tổng công suất: 51.390,5 KVA. Nhìn chung lưới điện hạ thế và nguồn điện đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Các công trình trong chế độ làm việc bình thường của đường dây đảm bảo an toàn theo quy định; được lắp đặt nổi đất lặp lại cho dây trung tính, nổi đất vỏ thiết bị; có đầy đủ biển báo an toàn. Dây dẫn được lắp đặt trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, an toàn về dẫn điện, cách điện và cơ học. Cột điện, kết cấu, hỗ trợ chịu lực, móng cột, xà giá đỡ được bảo vệ, chống gỉ, chống xói lở theo quy định.

Đầu tư hệ thống điện phù hợp với quy hoạch:

Hệ thống lưới điện trên toàn huyện được đầu tư phù hợp với quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Với hệ thống nguồn điện phong phú, đảm bảo cấp điện kịp thời cho các xí nghiệp, nhà máy hoạt động và đảm bảo cung cấp điện liên tục, đầy đủ cho 11 xã, thị trấn.

Hiện nay, ngành điện tiếp tục đầu tư nâng cấp, chỉnh trang hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn huyện. Ngoài ra, hệ thống thường xuyên được kiểm tra, bổ sung, nâng cấp đảm bảo gọn gàng, mỹ quan và an toàn.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 4 về Điện theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục:

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Trung tâm Y tế huyện đạt tiêu chuẩn.
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã.
- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên.
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Kết quả thực hiện:

*** Về Y tế:**

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn:

Trung tâm Y tế huyện có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

Trung tâm gồm có 11 khoa, phòng; 11 Trạm Y tế xã - thị trấn; 505 giường bệnh (tuyến huyện: 50 giường, tuyến xã: 55 giường); phụ trách khám chữa bệnh sơ cấp cứu ban đầu và thực hiện các chương trình y tế dân số.

Tổng số việc chức do Trung tâm Y tế huyện quản lý là 165 người, trong đó có 33 bác sĩ (04 bác sĩ chuyên khoa I, 19 bác sĩ đa khoa, 07 bác sĩ y học cổ truyền, 02 bác sĩ y học dự phòng, 01 bác sĩ răng hàm mặt); 24 dược sĩ (05 dược sĩ đại học, 17 dược sĩ cao đẳng, 02 dược sĩ trung cấp); 30 điều dưỡng (; 18 hộ sinh; 27 y sĩ; 01 cử nhân kỹ thuật viên xét nghiệm; 01 cử nhân y tế cộng đồng; chức danh khác: 31 viên chức.

Trung tâm Y tế huyện thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cũng như các hoạt động y tế khác. Trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng kiên cố, đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đủ theo quy định của Bộ Y tế. Trung tâm Y tế đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế đối với Trung tâm y tế huyện Đồng Phú; Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế đối với Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Phú. Trung tâm Y tế huyện được thành lập thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 đơn vị: Bệnh viện Đa khoa và Trung tâm Y tế huyện, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về hoạt động y tế và các chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế đều được triển khai kịp thời và với sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể trong công tác phối hợp, giúp ngành y tế triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Đội ngũ cán bộ y tế nhiệt tình, năng động, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra trên các mặt hoạt động khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân và phòng chống dịch, bệnh. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được tăng

cường, cung cấp nhiều tin, bài giúp truyền đạt thông tin về sức khỏe đến người dân trên địa bàn các xã về lợi ích của việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

Công tác xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế luôn được huyện quan tâm hàng đầu, đưa vào mục tiêu kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và luôn đạt, vượt kế hoạch chỉ tiêu đề ra.

*** Về Văn hóa:**

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã:

Trung tâm Văn hóa huyện được xây dựng năm 2019 đến nay, đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Trung tâm Văn hóa huyện có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã: Trung tâm thường xuyên củng cố, đẩy mạnh phát triển phong trào văn nghệ, thể dục thể thao trong Nhân dân, tổ chức nhiều hoạt động phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe cho người dân. Qua đó hàng năm, Trung tâm Văn hóa huyện có trên 20.000 lượt trẻ em và người dân đến vui chơi, giải trí và có trên 4.500 lượt người đến tham gia các giải đấu thể thao, hoạt động văn nghệ; sân vận động với diện tích 10.000m² là nơi diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí của cộng đồng. Hàng năm, Trung tâm xây dựng trên 20 chương trình văn nghệ phục vụ chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của địa phương; phục vụ âm thanh, ánh sáng hỗ trợ cho các ban, ngành huyện, các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động; biên tập tài liệu và phát thanh xe loa 36 cuộc, có khoảng 30.000 lượt người nghe; đội tuyên truyền lưu động tổ chức tập luyện trên 100 buổi phục vụ việc tham dự liên hoan, hội thi, hội diễn; phục vụ tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương, huyện nông thôn mới, phòng chống dịch bệnh;...

Các hoạt động thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên; ngoài ra, phối hợp cùng các cộng tác viên chuyên môn tổ chức 10 lớp năng khiếu, 05 giải thi đấu thể thao (*bóng đá, bóng chuyền, trò chơi dân gian...*) thu hút nhiều vận động viên tham gia và phục vụ cho trên 10.000 lượt người xem.

Trên cơ sở chương trình phát triển kinh tế - xã hội chung, hàng năm Trung tâm văn hóa huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể với nhiều hoạt động thiết thực trong các lĩnh vực: Văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, mở các lớp năng khiếu nghệ thuật, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao ở cơ sở; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao; sưu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các môn thể thao truyền thống; tổ chức các hoạt động tác nghiệp chuyên môn, các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao và các hoạt động dịch vụ khác đáp

ứng nhu cầu của Nhân dân địa phương đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức sự nghiệp, cụ thể:

Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, các nhiệm vụ chuyên môn do Huyện uỷ, UBND huyện giao như: Tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ; phục vụ trang trí, âm thanh, tuyên truyền nhân dịp các sự kiện chính trị trọng đại, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ kỷ niệm của các ngành.

Hoạt động văn hoá văn nghệ quần chúng tại Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện diễn ra phong phú, đa dạng: Duy trì sinh hoạt các câu lạc bộ (CLB) sở thích như: CLB tuyên truyền ca khúc cách mạng, CLB thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ, CLB khiêu vũ, ... phục vụ tốt nhu cầu vui chơi, giải trí, hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân.

Hàng năm, Trung tâm xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối với các xã trên địa bàn huyện tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ như: Liên hoan đờn ca tài tử, các hoạt động mừng đảng mừng xuân, hội thi hoa phượng đỏ..., các hoạt động thể dục thể thao như: Tổ chức giải cầu lông, bóng chuyền, bóng đá mini, chạy việt dã... tạo hoạt động văn hóa, văn nghệ sôi nổi trên địa bàn huyện.

Hiện Trung tâm VH-TT huyện đạt chuẩn theo quy định của Thông tư 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư số 11/2010 ngày 22/12/2010 của Bộ VH-TT&DL.

*** Về Giáo dục:**

- **Yêu cầu tiêu chí:** Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên trên 60%.

- Công tác triển khai và kết quả thực hiện:

Huyện đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tích cực, vận động, huy động toàn hệ thống chính trị, Nhân dân cùng tham gia vào chương trình xây dựng trường chuẩn quốc gia và đã đạt kết quả khá tốt, cụ thể: Mạng lưới Trường THPT trên địa bàn huyện hiện có 02 trường công lập: THPT Đồng Phú và Trường THCS và THPT Đồng Tiến. Nhìn chung khuôn viên các trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển tên trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp; đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt. Diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên đúng quy cách; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn; khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây bóng mát; khu vệ sinh được bố trí hợp lý; có khu để xe dành riêng cho giáo viên và học sinh; có đủ nước sạch để phục vụ cho các hoạt động dạy và học; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học;

có website thông tin trên mạng internet hoạt động thường xuyên hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý của nhà trường.

So với quy định, cơ sở vật chất các trường đều đạt chuẩn quốc gia theo quy định 60% trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Hiện nay trường THPT Đồng Phú được công nhận đạt chuẩn Quốc gia năm 2013 và công nhận đạt chuẩn Quốc gia lại năm 2018; Trường THCS và THPT Đồng Tiến đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng cấp độ 2 và đề nghị UBND tỉnh công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

Huyện Đồng Phú có 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện. Trong những năm học qua, được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Đồng Phú, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện đã có những bước tiến vững chắc trong hoạt động dạy - học và phát triển vững mạnh. Trung tâm có cơ cấu bộ máy đầy đủ theo quy định; cán bộ quản lý có năng lực và kinh nghiệm quản lý tốt; chất lượng học tập đảm bảo, cơ sở vật chất phục vụ dạy học bảo đảm; thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cơ sở vật chất phục vụ dạy - học.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tụy, hết lòng vì học viên, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện đã hoàn thành công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng của Trung tâm và đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh thẩm định và kiểm định chất lượng cấp độ 1.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

5.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế:

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.
- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.
- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.
- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện:

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn: Trên địa bàn huyện Đồng Phú được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 02 khu công nghiệp: Khu công nghiệp (KCN) Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú và cụm công nghiệp Hà Mỹ đã đi vào hoạt động; ngoài ra tỉnh đang tiến hành mở rộng quy hoạch khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú với diện tích 6.317,1 ha, đến nay đã giải phóng mặt bằng, thi công 04 tuyến đường kết nối từ ĐT741 vào Khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú; đang đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 03 cụm công nghiệp (02 cụm công nghiệp tại xã Tân Tiến: Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 và cụm công nghiệp Tân Tiến 2; 01 cụm công nghiệp tại thị trấn Tân Phú) với diện tích 171,49 ha; triển khai mở rộng quy hoạch Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú với diện tích 779 ha. Qua đó, không những tạo việc làm cho lao động địa phương mà còn thu hút lực lượng lao động dồi dào ở các tỉnh trong cả nước; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế huyện.

Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: Hiện nay, trung tâm huyện có 01 Chợ Đồng Phú, 01 siêu thị CoopMart, 01 cửa hàng Thế giới di động, 01 cửa hàng hệ thống bách hóa xanh và 500 cửa hàng bán lẻ; hệ thống chợ, cửa hàng trên địa bàn đều được đầu tư xây dựng kiên cố đảm bảo đúng quy định; hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng trên địa bàn luôn đảm bảo phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán của người dân thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện: Với quan điểm xác định sản xuất là khâu đột phá. Giai đoạn 2010-2022, huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao giá trị, hiệu quả, chất lượng sản phẩm; nâng cao lợi thế cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất (Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Câu lạc bộ, trang trại...), hình thành các chuỗi giá trị sản phẩm (liên kết ngang, liên kết dọc), xây dựng giải pháp để thực hiện, tạo sự bình đẳng và khuyến khích các chủ thể tham gia chuỗi, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện nhanh đời sống nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh và của huyện; hình thành các vùng sản xuất trồng trọt tập trung đối với các cây trồng chủ lực, có lợi thế của huyện, mang lại hiệu quả kinh tế cao: Cao su, điều, cây ăn trái, đồng thời khuyến khích phát triển chăn nuôi. Toàn huyện có 53 trang trại chăn nuôi heo, gà, vịt áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi.

Ngoài ra, huyện còn chú trọng xây dựng, phát triển và bước đầu hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng, như: Hợp đồng cung cấp và tiêu thụ điều; Hợp đồng cung cấp và tiêu thụ bưởi da xanh, dưa lưới; điển hình như Hợp tác xã Điều hữu cơ Tân Lợi, Hợp tác xã Nông nghiệp-dịch vụ-thương mại Thành Phương...

Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả: Huyện có 01 trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện có chức năng hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường:

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp 50% tổng lượng phát sinh.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt trên 40%.

- Có mô hình tái chế chất hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên.

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Kết quả thực hiện:

Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp \leq 50% tổng lượng phát sinh:

UBND huyện đã bố trí kinh phí và xây dựng các điểm tập kết theo từng cụm xã, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn được các tổ thu gom rác của các xã, thị trấn thu gom về các điểm tập kết. Đơn vị vận chuyển rác tổ chức thu gom chất thải rắn tại các điểm tập kết và vận chuyển về Nhà máy xử lý. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện thu gom được khoảng 40 tấn/ngày.đêm được thuê Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Công nghệ môi trường Bình Phước tại ấp 1, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài xử lý bằng phương pháp đốt, không sử dụng phương pháp chôn lấp.

Hiện nay, 10/11 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Riêng xã Tân Hòa do dân cư sinh sống không tập trung, lượng rác thải sinh hoạt ít chưa được tổ chức thu gom, đã hướng dẫn, tuyên truyền người dân tự phân loại, thu gom và xử lý đảm bảo quy định.

Các loại chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh: Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp với đơn vị có chức năng xử lý. Hiện nay trên địa bàn huyện có 02 nhà máy thu gom và xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp đang hoạt động của Công ty TNHH Cao Gia Quý (ấp Phước Tân, xã Tân Phước) và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy (ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến), cùng với các nhà máy trong khu vực đáp ứng nhu cầu thu gom, xử lý.

Đối với chất thải từ bao gói thuốc bảo vệ thực vật: Huyện đã bố trí các bể thu gom, bao gói thuốc BVTV tại các khu vực có nhiều đất sản xuất nông nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền về phương pháp thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; đồng thời thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định về CTNH.

Đối với chất thải y tế: Trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã, thị trấn và cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm việc thu gom, xử lý đối với các chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại phát sinh trong quá trình khám, điều trị bệnh cho người dân, đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Chất thải y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã, thị trấn được thu gom và xử lý bằng lò đốt chất thải y tế đặt tại Trung tâm y tế huyện.

Kết quả đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt khoảng 80%, 100% chất thải y tế, chất thải nguy hại từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:

Thực hiện việc thí điểm phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, huyện đã ban hành kế hoạch để triển khai thí điểm trên địa bàn huyện. Tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức, tổ chức tập huấn cho lực lượng nông cốt, các hộ dân và các đối tượng khác tham gia, nắm vững quy trình thực hiện phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Lắp đặt panô tuyên truyền, áp phích, băng rôn hướng dẫn và tuyên truyền về thực hiện phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu dân cư. Tỷ lệ thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thực hiện thí điểm hiện nay đạt khoảng 80%.

Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại, quản lý như sau: Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân

tái sử dụng, tái chế. Các chất thải còn lại được Đội thu gom của xã, thị trấn thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

Ngoài ra, huyện, các xã, thị trấn phát động phong trào cho các Tổ chức chính trị - xã hội cùng chung tay xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường như: Hội Liên hiệp phụ nữ tổ chức các hoạt động truyền thông phòng chống rác thải nhựa và phân loại chất thải rắn tại nguồn, xây dựng mô hình “Nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần”, “Tuyến đường xanh, sạch, đẹp”; Nhà thiếu nhi tổ chức hội thi tuyên truyền bảo vệ môi trường trong thanh thiếu nhi; Đoàn thanh niên với phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, tổ chức các hoạt động ra quân bảo vệ môi trường, trồng cây xanh;

Hiện nay trên địa bàn toàn huyện, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 40%.

Có mô hình tái chế chất hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên:

Trong quá trình trồng trọt, chăn nuôi phát sinh ra chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp. Từ trước đến nay, chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu sử dụng tại nông hộ để làm phân bón lót hoặc thức ăn cho gia súc theo quy trình khép kín; chất thải từ chăn nuôi heo được sử dụng làm chất đốt (*bioga*), chất thải từ gia cầm làm phân hữu cơ. Nhìn chung, chất thải, phụ phẩm nông nghiệp được các nông hộ tái sử dụng lại để làm thức ăn, nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, nhiên liệu phục vụ sinh hoạt trong hộ; lượng phụ phẩm dư thừa chủ yếu ở các hộ sản xuất đơn lẻ chỉ chăn nuôi hoặc trồng trọt, tuy nhiên số lượng rất ít.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 Công ty TNHH Hùng Nhơn (*xã Thuận Phú*) thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế chất thải hữu cơ từ chăn nuôi gia cầm của các hộ trên địa bàn xã và các xã lân cận để làm phân bón hữu cơ, cung cấp trong và ngoài huyện từ năm 2015 đến nay; trung bình HTX thu gom khoảng từ 1.000 tấn chất thải/năm để xử lý, tái chế trung bình được 900 tấn phân hữu cơ/năm để cung cấp ra thị trường. Công ty có phương án, quy trình sản xuất kinh doanh theo hồ sơ về môi trường phù hợp với quy mô dự kiến; có địa chỉ mặt bằng hoạt động, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị và nhân lực phù hợp.

Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.

- Huyện chưa có đề án/ kế hoạch quản lý nước thải trên địa bàn huyện kèm theo Quyết định phê duyệt. Lý do: Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc văn bản triển khai thực hiện nội dung này của Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như Sở Tài nguyên và Môi trường nên Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa có căn cứ tham mưu UBND huyện.

- Hiện nay, huyện Đồng Phú chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; tuy nhiên, 100% hộ dân sinh sống trên địa bàn có biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng công trình bể tự hoại do gia đình tự đầu tư xây dựng để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sinh hoạt phát sinh

tại các Nhà máy đều được thu gom, xử lý theo đúng quy định. Nhìn chung, việc xử lý nước thải sinh hoạt bằng công trình bể tự hoại gia đình đơn giản, chi phí thấp, phù hợp với quy mô gia đình đồng thời mang lại hiệu quả cao trong xử lý đối với nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày.

Trên địa bàn huyện hiện đã đầu tư 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt là: Hệ thống xử lý nước thải nhà ăn Trường Tiểu học Tân Phú (công suất 40m³/ngày đêm) và Trường Mầm non Tân Phú (công suất 50m³/ngày đêm).

Đối với công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cho khu dân cư, UBND huyện đang phân đầu thực hiện trong thời gian tới.

Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu:

Trên địa bàn huyện Đồng Phú có 02 khu công nghiệp, 01 cụm công nghiệp đang hoạt động:

Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú: Có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định, đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường, có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường (Phòng Công nghiệp Môi trường - Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú); có bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp với chiều rộng ≥ 10 m; trồng cây xanh theo quy định.

- Cụm công nghiệp Hà My: Có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định; có bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp với chiều rộng ≥ 10 m; trồng cây xanh theo quy định

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:

Ngày nay, nhu cầu hưởng thụ, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao của người dân ngày càng nâng lên, các xã, thị trấn tăng cường bố trí các điểm khuôn viên, vườn hoa, sân chơi có trồng cây xanh tại các nhà văn hóa xã, ấp, sân thể thao, các điểm sinh hoạt cộng đồng,... Trên địa bàn toàn huyện, đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 4.11m²/người.

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

Chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:

- Tổ chức tuyên truyền các tổ chức, cá nhân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông. Các Tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thu gom rác thải, trong đó có rác thải nhựa tại các khu vực như chợ, ven đường, suối, để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chất thải nhựa được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật; chất thải nhựa không thể tái chế được thu gom, xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

- Các Tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, ... đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch và các mô hình thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân giảm thiểu sử dụng, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

Hiện nay, tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt trên 80%.

Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định:

Hiện nay, 10/11 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Toàn huyện đã bố trí 13 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt. 100% điểm tập kết có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 26, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 7 về Môi trường theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống:

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Tổng số hộ gia đình sử dụng nước sạch là 17.488/25.739 hộ đạt 67,94%, trong đó có 30% số hộ gia đình sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 05 hệ thống cung cấp nước sạch tập trung: Công ty cấp nước tại thị trấn Tân Phú, Trạm cấp nước xã Tân Lập, Nhà máy cấp nước Đồng Xoài tại xã Thuận Lợi, Trạm cấp nước xã Tân Tiến, Trạm cấp nước khu Định canh định cư đồng bào dân tộc tại ấp Pha Phêch, xã Tân Hưng. 100% công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện: Trên địa bàn huyện có hồ Suối Giai, hồ Tân Hòa, hồ Đồng Xoài, hồ Tân Lợi, hồ Suối Bình, hồ Tân Hưng, hồ Suối Lam; ngoài ra còn có các sông, suối; các hồ được giao cho Công ty TNHH MTV Thủy nông quản lý. Hàng năm Công ty có kế hoạch bảo vệ nguồn nước các hồ.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Hàng năm, UBND huyện ban hành kế hoạch thực hiện xây dựng tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn. Đến nay, tỷ lệ đường bê tông hóa, nhựa hóa có điện đường chiếu sáng, đạt 51,73%; trồng hoa dọc các trục đường xã, đường thôn và liên thôn được trên 82,3 km đường và 5.180 cây bóng mát; tạo cảnh quan thông thoáng, sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.9. Tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị An ninh trật tự - Hành chính công:

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

b) Kết quả thực hiện:

- Hàng năm, Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ; các Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Trong 02 năm (2021, 2022) không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự: Hàng năm, Huyện ủy xây dựng Nghị quyết, UBND huyện ban hành kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Công an huyện đã triển khai các biện pháp nghiệp vụ, chủ động nắm tình hình, thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch, đấu tranh, trấn áp mạnh mẽ các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Lực lượng công an từ huyện đến xã đã phát huy vai trò tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự; trên địa bàn huyện, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc đã được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp và được sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp Nhân dân, có sự gắn kết giữa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với công tác dân vận chung sức xây dựng nông thôn mới; thường xuyên xây dựng, củng cố, phát triển các lực lượng nòng cốt ở cơ sở... Công tác xây dựng phong trào đã góp phần quan trọng nhằm nâng cao cảnh giác, phát huy tính chủ động của các tầng lớp Nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh trật tự. Tại địa phương công tác tuyên truyền được chú trọng bằng nhiều hình thức, nội dung tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm. Trong các năm qua, trên địa bàn huyện không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người kéo dài, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội... tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy (số người nghiện ma túy), tai nạn giao thông được kiểm chế so với các năm trước. Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự toàn xã hội trên địa bàn huyện các năm qua luôn được giữ vững, ổn định.

- Huyện có hệ thống một cửa liên thông với các xã, qua khảo sát đánh giá hệ thống dịch vụ công trực tuyến huyện đều đạt mức độ 3 trở lên.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

*c) **Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

Qua 12 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân huyện Đồng Phú đã nỗ lực không ngừng, khắc phục khó khăn, quyết tâm tập trung chỉ đạo thực hiện đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ.

Công tác quy hoạch được quan tâm tổ chức thực hiện kịp thời đúng theo quy định. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội, sản xuất được quan tâm đầu tư như giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, trường học, y tế, nhà văn hóa, công trình cấp nước tập trung,...; đặc biệt là cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ngày càng được củng cố, nâng cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn cho yêu cầu sản xuất, tạo đà cho kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển; diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc; thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực; các lĩnh vực dịch vụ: Vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng... tiếp tục phát triển, phục vụ tốt nhu cầu xã hội.

Chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp đạt được nhiều thành tựu, thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hình thành nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả được nhân rộng, có nhiều mô hình thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm cho thu nhập cao như mô hình sản xuất điều hữu cơ, mô hình trồng dưa lưới ứng dụng công nghệ cao...

Công tác tổ chức sản xuất được quan tâm phát triển, có nhiều hợp tác xã, nhất là hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả, ổn định, đã và đang có những đóng góp quan trọng về mặt kinh tế - xã hội góp phần giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập, hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, cận nghèo vươn lên khá, giàu.

Môi trường đầu tư, kinh doanh không ngừng được cải thiện, công tác xúc tiến đầu tư, mời gọi doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, mang lại hiệu quả, có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn, nhiều doanh nghiệp thành lập mới đạt và vượt chỉ tiêu hàng năm, góp phần giải quyết đáng kể việc làm cho lực lượng lao động của huyện.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, các chính sách người có công, chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện; công tác đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động được quan tâm thực hiện tốt, giảm nghèo đạt kết quả vượt bậc.

Triển khai thực hiện tốt các phong trào, mô hình trong công tác bảo vệ môi trường đã góp phần nâng cao nhận thức, thu hút được sự tham gia tích cực của các tầng lớp Nhân dân chung tay xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện cho người dân nông thôn thắt chặt tình làng nghĩa xóm, xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, góp phần tạo diện mạo nông thôn ngày càng được đổi mới, khang trang.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Chất lượng hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Hoạt động của Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước đổi mới. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bộ máy thực hiện Chương trình dân được kiện toàn và củng cố theo đúng chức năng, nhiệm vụ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình; trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có phân công công việc cụ thể, có kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Nhận thức của đội ngũ cán bộ và người dân được nâng lên, xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp trong Nhân dân, nhiều người dân đã tự nguyện tham gia và đóng góp tích cực các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới.

Giai đoạn 2010-2022, huyện đã huy động được 1.291,551 tỷ đồng thực hiện Chương trình; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng (tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha diện tích đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2022 đạt 160 triệu đồng/ha, tăng 65% so với năm 2010; đời sống vật chất, tinh thần của đại đa số người dân nông thôn được cải thiện, chất lượng cuộc sống không ngừng được nâng lên; thu nhập bình quân của người dân nông thôn trên địa bàn năm 2022 đạt 62,17 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 7,5% (năm 2010) xuống còn 0,30% (cuối năm 2022). Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển mạnh, đã cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu phát triển sản xuất, cũng như sinh hoạt của người dân, là điểm nổi bật, tạo bộ mặt mới khu vực nông thôn: 100% xã đều có đường nhựa đến trung tâm xã và kết nối đến trung tâm huyện, 100% đường huyện quản lý, đường trục xã, liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa, các tuyến đường còn lại có tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất 100%, hệ thống thiết chế văn hóa, mạng lưới thông tin truyền thông, y tế đạt chuẩn, đã cơ bản đáp ứng tốt các nhu cầu về dạy, học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tiếp cận thông tin và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 92,71%. Môi trường sinh thái khu vực nông thôn được cải thiện, hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh, chuồng, trại chăn nuôi được tập trung đầu tư. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%, và có 67,64% hộ dân sử dụng nước sạch; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường. Hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được củng cố, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động, đội ngũ cán bộ, công chức xã được nâng cao cả về trình độ chuyên môn, năng lực và phẩm chất với 100% đạt chuẩn theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Cảnh quan môi trường một số nơi chưa thật sự sáng - xanh - sạch - đẹp; việc duy tu bảo dưỡng các công trình sau đầu tư chưa được thường xuyên, kịp thời; hiệu quả hoạt động các nhà văn hóa ấp chưa cao, mới chủ yếu là các hoạt động hội, họp. an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực nông thôn còn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp.

- Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch còn chậm, công nghiệp, thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng thấp. Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa thật bền vững, tỷ lệ sản xuất nhỏ lẻ, phân tán cao; chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bước đầu đã được hình thành, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ, phát triển chưa mạnh; xây dựng và phát triển thương hiệu, giải quyết đầu ra cho nông sản hàng hóa có thể mạnh của huyện, kể cả gắn với phát triển du lịch còn hạn chế. Công nghiệp, thương mại, dịch vụ phát triển chậm, chưa thu hút được các doanh nghiệp vào đầu tư, nhất là vào Khu công nghiệp Nam Đồng Phú.

- Đời sống của người nông dân nhìn chung vẫn còn thấp so với bình quân chung của tỉnh, một số hộ nghèo có nguy cơ tái nghèo. Ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực sản xuất mủ cao su, chăn nuôi vẫn còn, việc thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, cung cấp nước sạch trong khu dân cư còn nhiều khó khăn, nhất là đối với các hộ dân vùng sâu, vùng xa, nằm rải rác trong các vườn rẫy. Huy động nguồn lực trong cộng đồng dân cư còn khó khăn.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có nơi, có lúc chưa được thường xuyên, nhất là giai đoạn đầu; chậm đổi mới nội dung so với thực tiễn đặt ra, nhận thức một số ít cán bộ, đảng viên, người dân về quyền, nghĩa vụ của mình trong tham gia xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

- Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, có nơi còn lúng túng, thiếu quyết tâm, quyết liệt, thiếu giải pháp hiệu quả, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Việc rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch để xác định rõ các công trình, dự án ưu tiên thứ tự thực hiện, đảm bảo phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu tiến độ xây dựng nông thôn mới còn chậm.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn còn thiếu; đặc biệt là cán bộ khoa học kỹ thuật. Công tác đào tạo nghề chưa thật sự gắn chặt giữa đào tạo với quản lý, sử dụng lao động tại chỗ.

- Vai trò của MTTQ và các hội đoàn thể của huyện trong việc tổ chức thực hiện Chương trình có lĩnh vực thể hiện chưa rõ, nhất là thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội với việc thực hiện các chương trình dự án khu vực nông thôn.

3. Bài học kinh nghiệm:

Từ thực tiễn qua 12 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, làm tốt công tác tuyên truyền vận động, để Nhân dân thấy rõ vai trò, ý nghĩa của Chương trình xây dựng nông thôn mới, thấy rõ được vai trò chủ thể, trách nhiệm của mình cùng Nhà nước chung tay thực hiện. Nội dung tuyên truyền phải được đổi mới sát thực tiễn và triển khai với nhiều hình thức phong phú, đa dạng mang lại hiệu quả thiết thực.

Hai là, tập trung chăm lo phát triển sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với tiềm năng, lợi thế của huyện, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật theo định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; phát triển, mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất với tiêu thụ để phát triển sản xuất bền vững. Chú trọng đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn; để công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phục vụ nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập cho dân nông thôn.

Ba là, sự vào cuộc tích cực, đồng bộ của cả hệ thống chính trị; trong đó cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đặc biệt là phát huy vai trò chủ thể của người dân và vai trò của Ban phát triển áp trong lãnh đạo cộng đồng; khơi dậy, phát huy tiềm năng, sức mạnh cộng đồng, thay đổi tư duy, nhận thức của người dân, vượt qua những khó khăn, thử thách. Có vậy Chương trình mới đảm bảo duy trì sự ổn định, tăng cường sự phát triển bền vững.

Bốn là, phải chọn bước đi, giải pháp phù hợp: Xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm mang tính đột phá và đề ra các giải pháp cụ thể, phù hợp thực tế của từng địa phương để tập trung thực hiện. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn.

Năm là, trong tổ thực hiện phải có tinh thần chủ động sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt. Việc huy động sức dân phải có phương án cụ thể, được bàn bạc, công khai tạo sự đồng thuận cao trong dân. Đa dạng hoá việc huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới theo phương châm “Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là cần thiết”. Việc sử dụng nguồn lực vào các công trình công cộng phải được người dân bàn bạc dân chủ và thống nhất, có giám sát cộng đồng, đảm bảo công khai, minh bạch. Thực hiện tốt công tác cán bộ, đánh giá và khích lệ đúng mức đối với cán bộ làm tốt, cũng như thay thế kịp thời đối với những cán bộ không đủ khả năng đảm nhận nhiệm vụ.

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao:

1. Quan điểm chỉ đạo:

- Duy trì, giữ vững các tiêu chí nông thôn mới, tập trung thực hiện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Chú trọng các hoạt động an sinh xã hội: y tế, giáo dục, văn hóa,... tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo Chương trình nông thôn mới trên địa bàn luôn phát triển ổn định và bền vững. Phân đầu cuối năm 2022, có thêm 01 xã hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh (*lũy kế 03 xã*).

- Phát triển nông thôn mới gắn chặt với triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tập trung xây dựng, hình thành chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao 4.0, nông nghiệp sạch, nhất là đối với cây trồng, vật nuôi có lợi thế của huyện, góp phần nâng cao thu nhập của người dân nông thôn, thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững. Phân đầu đến cuối năm 2023, thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 65 triệu đồng/người/năm, giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 170 triệu đồng/ha/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm chỉ còn 0,25%.

- Phát triển kinh tế gắn với công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn nước. Phát triển nhanh công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản (chế biến tinh, chế biến sâu); đẩy mạnh dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với việc khai thác tốt lợi thế của địa phương, góp phần thúc đẩy cho phát triển nông thôn mới.

2. Mục tiêu giai đoạn 2022-2025:

Giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, tập trung thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Phân đầu xây dựng nông thôn mới ngày càng văn minh, đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao; đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; đảm bảo an ninh chính trị- trật tự an toàn xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đến năm 2025, số xã trên địa bàn huyện được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 60%; có từ 1-2 xã được công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, có 10 khu dân cư được công nhận khu dân cư kiểu mẫu.

3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới:

3.1. Quy hoạch:

Trên cơ sở quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với từng xã và toàn huyện. Tổ chức triển khai xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy hoạch được phê duyệt và theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

3.2. Giao thông:

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, nhất là đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng. Phân đầu đến năm 2025: đường trục áp được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt 100%, phần còn lại được đảm bảo duy trì cứng hoá; đường ngõ xóm được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt trên 100%, phần còn lại được duy trì cứng hoá, đảm bảo ngõ xóm sạch, không lầy lội

vào mùa mưa; đường trục chính nội đồng có tỷ lệ nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt tỷ lệ 70%, phần còn lại được duy trì cứng hoá, xe cơ giới đi lại thuận tiện; các tuyến đường trục chính trong khu dân cư đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp. UBND các xã chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng huy động Nhân dân thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường trục thôn, xóm và các đường ngõ, xóm...

3.3. Thủy lợi:

Đẩy mạnh đầu tư mở rộng diện tích sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, đặc biệt bố trí gieo trồng theo đúng mùa vụ, nâng diện tích có nước tưới để sản xuất trong mùa khô từ các nguồn trên 90% tổng diện tích.

3.4. Điện nông thôn:

Xây dựng hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã. Đến năm 2025, nâng cao và duy trì tỷ lệ hộ dùng điện đạt 100%; hoàn tất việc đầu tư mới các trạm biến áp, điện trung thế và hạ thế đến các khu chăn nuôi, khu sản xuất tập trung mở mới trên địa bàn. Duy trì việc cung cấp lưới điện đến các khu sản xuất, khu tập trung đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ điện đáp ứng cho nhu cầu khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch đạt 100%.

3.5. Trường học:

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để 100% số trường đạt chuẩn quốc gia; nâng chuẩn mức độ 2 đối với trường mầm non, tiểu học đã chuẩn mức độ 1. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, xây dựng cảnh quan, khuôn viên nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

3.6. Nước sạch:

Đầu tư và quản lý hữu hiệu các công trình cấp nước nhằm đạt tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó có trên 80% hộ được sử dụng nước sạch, phối hợp với đơn vị cấp trên tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp, nâng cao hiệu quả sử dụng nước sạch, khai thác và quản lý có hiệu quả hệ thống cung cấp nước sạch tập trung hiện hữu.

3.7. Y tế, Văn hóa, Giáo dục:

a) Y tế:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động y tế của tuyến xã đảm bảo kế hoạch được thực hiện theo đúng tiến độ, đạt hiệu quả. Duy trì, giữ vững 100% xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, việc thực hiện kỷ cương, đạo đức công vụ, việc thực hiện cam kết đổi mới tinh thần thái độ phục vụ, xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh xanh, sạch, đẹp hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở từ huyện đến xã, thị trấn, xây mới và nâng cấp mở rộng trạm y tế xã giai đoạn năm 2021-2025, 100% trạm y tế xã, thị trấn có phòng chức năng đạt

chuẩn về cơ sở hạ tầng, thiết bị và nhân lực. Thực hiện đầy đủ các chức năng về y tế dự phòng, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng.

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân để bảo vệ và nâng cao sức khỏe với sự tham gia tích cực của các cơ sở y tế huyện, xã, thị trấn và nhân viên y tế ấp, khu phố qua các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tăng cường nhân lực bác sĩ cho trạm y tế xã, thị trấn thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi sức khỏe Nhân dân. Thực hiện chế độ luân phiên hai chiều từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên nhằm tăng cường năng lực, chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ y, bác sĩ tuyến xã thị trấn.

Kiểm toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở các tuyến, mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Huy động các ngành, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng tham gia công tác dân số, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi.

Tiếp tục chỉ đạo để các địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để người dân tích cực tham gia mua Bảo hiểm y tế, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 95%.

b) Văn hóa:

Quan tâm duy trì, bảo dưỡng tốt các thiết chế văn hóa huyện, xã, ấp. Tổ chức tốt các nội dung sinh hoạt để khai thác hiệu quả đối với các thiết chế văn hóa, đảm bảo 100% Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng xã và Nhà Văn hóa ấp luôn hoạt động có hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt đời sống tinh thần người dân.

c) Giáo dục:

Phối hợp các ngành và địa phương, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới về lĩnh vực giáo dục. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo và kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em Nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn hoá cơ sở vật chất trường học... góp phần đáp ứng các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS ở 100% số xã, thị trấn. Duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông một cách hợp lý phù hợp với tiêu chí trong xây dựng Nông thôn mới. Phối hợp với các ban ngành và các địa phương trong tham mưu, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư từ các nguồn vốn cho xây dựng cơ sở vật chất trường học trên địa bàn các xã.

3.8. Kinh tế và tổ chức sản xuất:

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo hướng hữu cơ tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm kể cả trong nước và xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu 5 có: “có giá trị cao, có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ, có hiệu quả cao và có thương hiệu”. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, để công nghiệp, dịch vụ thực sự hỗ trợ trở lại cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, xem phát triển sản xuất là cái gốc để đầu tư xây dựng nông thôn mới.

3.9. Môi trường:

Các hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp được chú trọng thực hiện. Bên cạnh đó sẽ tập trung triển khai kế hoạch đầu tư các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn huyện, đảm bảo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành để phục vụ cho Nhân dân phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch tập trung trên 90%, 100% hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia.

Trên 99% số hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người; tăng cường các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp, không có các hoạt động suy giảm môi trường; 100% hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm vào các khu chăn nuôi tập trung đã quy hoạch. Chất thải y tế, chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo quy định.

3.10. An ninh trật tự xã hội:

Thường xuyên củng cố tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động lực lượng vũ trang địa phương (quân sự, công an), hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư, hạn chế thấp nhất vấn đề vi phạm pháp luật, đặc biệt là vấn đề trọng án, vấn đề an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn nói riêng và trên địa bàn huyện nói chung.

3.11. Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:

Tiếp tục tập trung, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban Chỉ đạo các cấp, vai trò tham gia thực hiện của các đoàn thể, cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo đối với việc thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn. Nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở trên cả hai mặt, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, đảm bảo cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới luôn được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả.

4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới:

4.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM quán triệt và thực hiện nghiêm Kết luận số

54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã; phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo, định kỳ hàng quý tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng lộ trình cụ thể để củng cố xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ban Chỉ đạo, UBMTTQ và các đoàn thể xã hội đối với việc thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân rộng. Có khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê bình các tập thể, cá nhân có tư tưởng trông chờ, ỷ lại thiếu tích cực trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

4.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền:

Đổi mới công tác tuyên truyền, nhất là thông tin mới, những vấn đề thực tế đặt ra cần tập trung chỉ đạo đối với chương trình, đặc biệt đối với những nội dung liên quan đến việc nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đạt được. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân, phát huy có hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong triển khai, tổ chức thực hiện. Phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng kịp thời những cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến. Phát động và thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua để tạo điển hình, động lực thúc đẩy thực hiện phong trào.

4.3. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ:

- Tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch: Gắn quy hoạch nông thôn mới với quy hoạch vùng huyện; đảm bảo mang tính kết nối cao của hệ thống hạ tầng và quản lý theo đúng quy hoạch.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tốt về huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 để huy động tối đa mọi nguồn lực tại địa phương, các nguồn vốn đóng góp, hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức doanh nghiệp, hộ gia đình để tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và duy tu nâng cấp các công trình hiện có. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Nhà nước theo cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

4.4. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân:

Tiếp tục thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Trong đó ưu tiên phát triển các loại cây trồng, vật nuôi

chủ lực như: Cây cao su, điều, cây có múi, chăn nuôi heo, gà và nông nghiệp hữu cơ. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2022-2025.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, trong đó chú ý phát triển mở rộng mô hình kinh tế tiên tiến hiệu quả, hình thành vùng trồng trọt, vùng chăn nuôi tập trung, đáp ứng yêu cầu “có giá trị cao, có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ, có hiệu quả cao”. Phát triển nông nghiệp bền vững, phấn đấu đến cuối năm 2021 giá trị sản phẩm thu hoạch trên ha trồng trọt đạt bình quân từ 130-150 triệu đồng/ha/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 70 triệu đồng/người/năm. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ để đầu tư xây dựng nông thôn mới.

Tập trung chỉnh trang cảnh quan môi trường nông thôn đảm bảo nông thôn luôn “sáng - xanh - sạch - đẹp - bền vững”, để tiến tới xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

4.5. Phát triển Giáo dục - Y tế - Văn hóa:

Hoàn thiện hạ tầng giáo dục đạt chuẩn theo quy định, từ đó nâng cao phổ cập tiểu học và THCS mức độ 3, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 60% trở lên.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, đảm bảo người dân được thụ hưởng các dịch vụ y tế cơ sở; thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát bệnh truyền nhiễm, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống; xây dựng nếp sống cộng đồng văn minh, dân chủ, đoàn kết tương trợ lẫn nhau. Hình thành ngày càng nhiều các mô hình, câu lạc bộ, đội nhóm, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

4.6. Bảo vệ môi trường:

Mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn; rà soát, có giải pháp hoàn thiện hạ tầng thoát nước, hạ tầng xử lý rác thải, nước thải tại các tuyến đường giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp.

Nâng cao tỷ lệ phân loại rác tại các hộ gia đình, đảm bảo tỷ lệ trên 50% chủ động thích ứng và phòng chống thiên tai có hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện về tăng cường vệ sinh môi trường kết hợp làm sạch, làm xanh, làm đẹp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

4.7. Lĩnh vực cải cách hành chính, Quốc phòng - An ninh:

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính, để nhận được ủng hộ và phát huy vai trò chủ thể của người dân; phát triển đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng

cả về trình độ, năng lực và phẩm chất. Xây dựng lực lượng công an và quân đội vững mạnh, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự khu dân cư, từ đó huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững, đảm bảo ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn.

PHẦN THỨ HAI

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới đã được UBND huyện Đồng Phú hoàn thành đầy đủ, đúng trình tự, đủ thủ tục.

2. Về hiệu quả hoạt động của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện

3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 10 xã.
- + Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 10 xã (đạt 100%)
- + Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 02 xã (đạt 25%).
- Tổng số thị trấn trên địa bàn: 01 thị trấn.
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị: 01 thị trấn.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị: 100%.

4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã

Đối chiếu theo quy định tại Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú có 10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, (02/02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới

Qua kết quả tự đánh giá của UBND huyện Đồng Phú, kết quả thẩm tra, xác nhận mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí do các Sở, ngành tỉnh phụ trách. Kết luận huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo đúng quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

Căn cứ Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG XDNTM, đến ngày 31/12/2021, huyện Đồng Phú “*không có nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình MTQG XDNTM*”.

II. KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh Bình Phước kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Ban Chỉ đạo TW các CTMTQG;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT TU, TT HỖND tỉnh; UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- UBND huyện Đồng Phú;
- VPĐP NTM tỉnh (6b);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH